



HUỶNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên)

ĐỖ CÔNG NAM – PHẠM MẠNH THẮNG (đồng Chủ biên)

NGUYỄN DUY DŨNG – NGUYỄN NGỌC HOA ĐĂNG – NGUYỄN TẤT THÀNH – GIANG THIÊN VŨ

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

11



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



HUỶNH VĂN SƠN (Tổng Chủ biên)
ĐỖ CÔNG NAM – PHẠM MẠNH THẮNG (đồng Chủ biên)
NGUYỄN DUY DŨNG – NGUYỄN NGỌC HOA ĐĂNG – NGUYỄN TẮT THÀNH – GIANG THIÊN VŨ

CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT

11



TỔNG BIÊN TẬP

Phạm Vĩnh Thái

Đỗ Công Nam

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH



YÊU CẦU CẦN ĐẠT

Là kết quả mà học sinh cần đạt được về phẩm chất và năng lực sau mỗi bài học.



MỞ ĐẦU

Giới thiệu khái quát những nội dung cơ bản và tạo hứng thú dẫn vào bài học mới.



KHÁM PHÁ

Tìm hiểu, khám phá kiến thức, hình thành năng lực qua các hoạt động đọc, quan sát, thảo luận,...



LUYỆN TẬP

Củng cố kiến thức và kĩ năng đã được khám phá, thực hành các hành động cơ bản có liên quan đến chủ đề/ bài học qua các tình huống, bài tập.



VẬN DỤNG

Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học vào thực tiễn qua hoạt động xây dựng dự án, bài viết ngắn, giải quyết tình huống,...



GHI NHỚ

Là những nội dung khái quát mà học sinh cần nhớ sau mỗi bài học.

Hãy bảo quản, giữ gìn sách giáo khoa để dành tặng các em học sinh lớp sau!

LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Sách **Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11** (bộ sách *Chân trời sáng tạo*) gồm các chuyên đề: *Phát triển kinh tế và sự biến đổi môi trường tự nhiên*; *Một số vấn đề về pháp luật dân sự*; *Một số vấn đề về pháp luật lao động*. **Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11** với các nội dung gần gũi, thiết thực, có tính ứng dụng cao, giúp tăng cường kiến thức về kinh tế, pháp luật; phát triển kỹ năng vận dụng kiến thức để giải quyết một số vấn đề thực tiễn, đáp ứng sở thích, nhu cầu của các em.

Sách giúp các em biết được sự cần thiết phải giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên; tích cực, chủ động vận động mọi người xung quanh thực hiện tốt pháp luật về dân sự và pháp luật về lao động. Sách còn giúp các em phát triển bản thân bằng cách tự điều chỉnh, tự hoàn thiện và chủ động thực hiện, tuân thủ các chuẩn mực, quy định; có thái độ tích cực, phù hợp hướng đến xây dựng, phát triển học sinh thành những công dân toàn cầu.

Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11 là tâm huyết mà đội ngũ tác giả muốn gửi đến các em. Hi vọng cuốn sách này sẽ mang lại những điều bổ ích, lí thú, hỗ trợ các em trong giai đoạn định hướng nghề nghiệp mới mẻ này.

Chúc các em học tập tốt và thành công.

CÁC TÁC GIẢ

MỤC LỤC

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH	2
LỜI NÓI ĐẦU	3
CHUYÊN ĐỀ 1: PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ SỰ BIẾN ĐỔI MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN	5
Bài 1: Phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường tự nhiên	5
Bài 2: Thực hành nghiên cứu về trường hợp cuộc sống con người bị ảnh hưởng do tác động của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên	19
CHUYÊN ĐỀ 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT DÂN SỰ	23
Bài 3: Khái quát về pháp luật dân sự	23
Bài 4: Hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế, hôn nhân và gia đình	32
Bài 5: Sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ	44
CHUYÊN ĐỀ 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG	51
Bài 6: Khái quát về pháp luật lao động	51
Bài 7: Hợp đồng lao động, tiền lương và thưởng, bảo hiểm xã hội, tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động	58
GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ	74

Chạm trời sáng tạo

**PHÁT TRIỂN KINH TẾ
VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN****Yêu cầu cần đạt**

- Nêu được những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên, xác định được nguyên nhân phát sinh những tác động đó.
- Giải thích được sự cần thiết phải giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.
- Đánh giá được một số biện pháp và chính sách đang áp dụng trong thực tế nhằm khắc phục hoặc hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.

**MỞ ĐẦU**

Phát triển kinh tế đã và đang gây ra những tác động đến môi trường tự nhiên. Ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ảnh hưởng đến đời sống người dân. Vì vậy, phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường đã được Đảng và Nhà nước quan tâm. Nhiều chính sách, biện pháp được áp dụng đã tạo sự chuyển biến và đạt được một số kết quả tích cực.

► *Em hãy đọc bài thơ sau và cho biết nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường*

XIN ĐỔI KIẾP NÀY

Nguyễn Bích Ngân

Nếu đổi được kiếp này tôi xin hoá thành cây,
Thử những nhát rìu rạch sâu da thịt.
Trong biển lửa bập bùng thử mình cháy khét,
Thử chịu khói độc tàn, thử sống kiên trung.

Nếu đổi được kiếp này, tôi xin hoá ruộng đồng,
Thử nếm vị thuốc sâu, thử sặc mùi hoá chất,
Thử chịu bão giông, thử sâu rày, khô khát,
Thử ngập mặn, triều cường, núi lửa, sóng thần dâng.

Nếu đổi được kiếp này, tôi xin hoá đại dương,
Thử dầu loang hắc nồng, mùi cá trôi hôi thối,
Đau vì kiệt tài nguyên, khổ vì không biết nói,
Thử biết gông mình, thử quần quai đứng lên.

Nếu đổi được kiếp này, tôi xin làm không khí,
Thử khói bụi ngày đêm, thử ngọt ngọt trưa hè,
Thử không còn trong xanh vì lũ người ích kỉ,
Thử tiếng ồn đình tai, thử cái chết cận kề.

18 – 5 – 2016



KHÁM PHÁ

1. Những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

► *Em hãy đọc các thông tin sau và thực hiện yêu cầu*

THÔNG TIN 1

Sau hơn 35 năm thực hiện công cuộc đổi mới, Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trên mọi lĩnh vực, tạo nhiều dấu ấn nổi bật, trong đó kinh tế tăng trưởng mạnh, trở thành một trong những nền kinh tế tăng trưởng nhanh. Tuy nhiên, tình trạng ô nhiễm môi trường tiếp tục diễn biến phức tạp, chất lượng môi trường nhiều nơi suy giảm mạnh, không còn khả năng tiếp nhận chất thải, đặc biệt ở các khu vực tập trung nhiều hoạt động công nghiệp. Ví dụ, ô nhiễm nguồn nước mặt ở lưu vực các sông, đặc biệt là sông Nhuệ – Đáy, Bắc Hưng Hải, Cầu, Vu Gia – Thu Bồn, Đồng Nai – Sài Gòn, ... diễn ra nghiêm trọng và tiếp tục diễn biến theo chiều hướng xấu. Lượng nước thải đô thị phát sinh ngày càng lớn, hầu hết không qua xử lý, xả trực tiếp ra môi trường, gây ô nhiễm nguồn nước mặt trong các đô thị, khu dân cư; hạ tầng thu gom, xử lý nước thải chưa đáp ứng yêu cầu.

Ô nhiễm không khí, đặc biệt là ô nhiễm bụi đang trở thành vấn đề đáng báo động ở Việt Nam, trực tiếp ảnh hưởng xấu đến sức khoẻ, gây ra tâm lí bất an và lo lắng cho nhân dân. Ô nhiễm tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề ở mức đáng lo ngại. Chất thải rắn đang là vấn đề nóng, mang tính cấp bách cần được ưu tiên đầu tư giải quyết. Ô nhiễm trên biển Đông diễn biến phức tạp và chưa có biện pháp ứng phó hiệu quả, trong đó có vấn đề rác thải nhựa, nạo vét, nhận chìm vật liệu nạo vét. Các sự cố môi trường biển có xu hướng gia tăng, như ô nhiễm dầu từ các hoạt động hợp tác khai thác dầu khí, giao thông vận tải biển; sự cố tràn dầu trên biển Đông đã ảnh hưởng lớn đến các vùng ven biển ở nước ta. Các chất có nguồn gốc từ đất liền thải ra đã và đang gây ảnh hưởng tới chất lượng nước biển ven bờ.

(Theo Tạp chí Cộng sản, *Những vấn đề môi trường cấp bách hiện nay và thực trạng*,
Số 993, tháng 7, 2022)

THÔNG TIN 2

Đồng bằng sông Cửu Long là nơi được thiên nhiên ưu đãi với những cánh đồng phì nhiêu, là vựa lúa lớn nhất của nước ta, đồng thời cũng là khu vực cung cấp một lượng lớn thủy, hải sản và hoa quả cho cả tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Tuy nhiên, vào mùa cạn, khi nước từ thượng nguồn về thấp, thủy triều xuất hiện mang nước mặn xâm nhập sâu vào nội đồng gây khó khăn cho sinh hoạt và sản xuất. Hầu như năm nào, các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long cũng xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn. Những năm gần đây, tình trạng này còn có xu hướng nghiêm trọng hơn do những ảnh hưởng tiêu cực của biến đổi khí hậu. Từ cuối năm 2014, do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino, nền nhiệt tăng cao, thiếu hụt lượng mưa, làm gia tăng tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn. Cùng với sự gia tăng của mực nước biển và sự thay đổi các yếu tố khí tượng đã làm cho độ mặn xâm nhập sâu hơn vào đất liền.

(Theo Trang thông tin Bộ Tài nguyên và Môi trường, *Giải pháp với tình trạng hạn hán, xâm nhập mặn tại các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long*, ngày 22 – 4 – 2017)

THÔNG TIN 3

Cục Bảo tồn Thiên nhiên và Đa dạng sinh học (thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường Việt Nam) khẳng định cuộc sống con người đang hoàn toàn phụ thuộc vào các hệ sinh thái để tồn tại. Thế nhưng, các hệ sinh thái này lại đang ngày càng bị con người xâm phạm không thương tiếc. Báo cáo “Đánh giá Đa dạng sinh học tại Việt Nam” cho thấy, 21% các loài thú, 6,5% các loài chim, 19% các loài bò sát, 24% các loài lưỡng cư, 38% các loài cá và 2,5% các loài thực vật có mạch đã bị đe dọa. Trong gần 20 năm trở lại đây, các khu vực có rừng là sinh cảnh bị ảnh hưởng nhiều nhất với hơn 10 544 km² diện tích đất rừng bị mất, chủ yếu do chuyển đổi thành đất rừng trồng và đất trồng cây ăn quả. Khoảng 2,8 triệu ha rừng tự nhiên cũng đã bị mất do chuyển đổi sang phát triển các loài cây trồng thương mại khác, ... Một quốc gia có thể có GDP cao nhờ việc tàn phá các khu rừng và “vắt kiệt” tài nguyên ngành ngư nghiệp để đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Tuy nhiên, đó là sự phát triển thiếu bền vững, về lâu dài, tài nguyên và sinh kế của người dân sẽ không còn. Nếu giá trị kinh tế đầy đủ của các hệ sinh thái được xem xét trong việc đưa ra quyết định của các nhà quản lý thì sự suy thoái sẽ giảm xuống rõ rệt và thậm chí còn được đẩy lùi.

(Trích Bộ Tài nguyên và Môi trường, Cục Bảo tồn Thiên nhiên và Đa dạng sinh học, *Báo cáo Đánh giá Đa dạng sinh học tại Việt Nam*, 2020)

THÔNG TIN 4

Các tài nguyên thiên nhiên ở Việt Nam đang diễn biến theo chiều hướng xấu, tiếp tục bị thu hẹp cả về số lượng và chất lượng. Đây là hệ quả kéo dài của hoạt động khai thác tài nguyên thiên nhiên

một cách thiếu hợp lý và lãng phí. Việt Nam đang đối mặt với nhiều thách thức về cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên sau một thời gian dài xây dựng mô hình tăng trưởng kinh tế của đất nước chủ yếu dựa vào khai thác tài nguyên thô. Tài nguyên rừng bị thu hẹp; tài nguyên đa dạng sinh học suy giảm mạnh và các loài sinh vật quý hiếm có nguy cơ tuyệt chủng rất cao; cạn kiệt và thiếu hụt nghiêm trọng nguồn nước; tài nguyên khoáng sản đang dần cạn kiệt; tài nguyên đất nông nghiệp bị giảm do chuyển sang phục vụ công nghiệp và dịch vụ; đất bị hạn hán, nhiễm mặn, hoang mạc hoá ngày một tăng;... Trong khi biến đổi khí hậu đang làm suy thoái tài nguyên nước, nhưng nhu cầu dùng nước của các quốc gia lại tăng lên, làm tăng các bất đồng và xung đột trong sử dụng chung nguồn nước. Các vấn đề môi trường theo lưu vực sông xuyên biên giới ngày càng phức tạp. Đến nay, trên thượng nguồn dòng chính sông Mê Kông có 7 công trình đập thủy điện đã được xây dựng cùng với 78 con đập trên dòng phụ. Các đập thủy điện này không chỉ làm thay đổi dòng chảy môi trường, ngăn chặn sự di chuyển của các loài thủy sinh, giảm lượng trầm tích và sạt giảm phù sa, gia tăng mất mát đa dạng sinh học mà còn gây ô nhiễm nguồn nước, gia tăng nguy cơ xói lở bờ sông, xâm nhập mặn và tác động tích lũy sinh thái đối với khu vực Đồng bằng sông Cửu Long.

(Theo Tạp chí của Ban Tuyên giáo Trung ương, *Những vấn đề môi trường cấp bách của Việt Nam: Thực trạng, xu thế, thách thức và giải pháp*, ngày 27 – 11 – 2021)

THÔNG TIN 5

Theo Ban Tuyên giáo Trung ương, Việt Nam đang đối mặt và tiềm ẩn rất nhiều rủi ro về môi trường sinh thái. Các sự cố môi trường tiếp tục gia tăng nghiêm trọng, nhiều vụ ảnh hưởng trên phạm vi rộng, diễn biến phức tạp, gây khó khăn cho công tác xử lý và khắc phục hậu quả. Hầu hết, các sự cố môi trường xảy ra do chủ cơ sở sản xuất, kinh doanh đổ thải trộm hoặc do công trình xử lý, lưu trữ chất thải gặp sự cố, cháy nổ, rò rỉ hoá chất, tràn dầu, ... dẫn đến lượng lớn chất thải chưa qua xử lý xả thải ra môi trường. Điển hình là sự cố xả chất thải của Công ty Mía đường Hoà Bình và Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Tân Hiếu Hưng gây cá chết hàng loạt trên sông Bưởi (Thanh Hoá); sự cố vỡ hồ chứa nước thải khai thác vàng của Công ty cổ phần Tập đoàn khoáng sản công nghiệp 6666 (Quảng Nam);... Gần đây, liên tiếp xảy ra các sự cố môi trường nghiêm trọng, không những ảnh hưởng trực tiếp đến sức khoẻ cộng đồng, mà còn đe dọa đến trật tự an ninh xã hội, điển hình là sự cố cháy nổ tại Công ty cổ phần bóng đèn phích nước Rạng Đông đã làm phát tán lượng thủy ngân ra môi trường; sự cố đổ dầu thải trên sông Đà gây khủng hoảng nước sạch kéo dài cho người dân trong khu vực;...

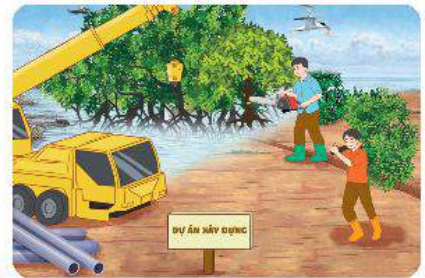
(Theo Tạp chí của Ban Tuyên giáo Trung ương, *Những vấn đề môi trường cấp bách của Việt Nam: Thực trạng, xu thế, thách thức và giải pháp*, ngày 27 – 11 – 2021)



- Nêu những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên qua các thông tin trên.
- Kể thêm một số trường hợp cụ thể mà em biết về tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên. Cho biết hệ quả của sự tác động này với cuộc sống con người.

2. Nguyên nhân phát sinh tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

► Em hãy quan sát tranh, đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi



Trường hợp 1

Dù không thể phủ nhận sự đóng góp của Công ty X vào ngành công nghiệp dầu khí của nước ta, nhưng sự cố tràn dầu và bể đường ống xả nước thải mà công ty gây ra ở khu vực biển miền Trung đã ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng môi trường biển và sinh kế người dân nơi đây. Khi được điều tra về nguyên nhân phát sinh sự cố, cơ quan chức năng đã phát hiện rằng công nghệ khai thác, chế biến và xử lý dầu thô và chất thải của công ty có nhiều hư hỏng, không đảm bảo chất lượng khai thác. Ngoài ra, khi xảy ra sự cố, công ty xử lý rất lúng túng, dẫn đến nhiều hệ lụy về cải tạo, khôi phục và bảo vệ môi trường biển.

Trường hợp 2

Những năm qua, thành phố P ngày càng phát triển, nhiều khu căn hộ cao cấp, cao ốc, toà nhà và trung tâm thương mại được xây dựng. Mật độ dân số tại thành phố ngày càng tăng lên. Tuy nhiên, thành phố xuất hiện nhiều bụi mịn và tiếng ồn xe cộ trở thành nỗi ám ảnh của nhiều người dân nơi đây. Do thành phố có quá nhiều nhà cao tầng, thời tiết trở nên nóng bức hơn và hầu như không có gió khiến đời sống người dân bị ảnh hưởng. Ngoài ra, thành phố thường xuyên bị ngập và xuất hiện mùi hôi thối vào những ngày mưa lớn.

Trường hợp 3

Số lượng tê giác và voi ở rừng H ngày càng suy giảm trong những năm qua do nhu cầu tiêu dùng nguồn sản phẩm từ tự nhiên của người dân thị trấn A ngày một tăng cao. Tại thị trấn, người dân tin rằng, ngà voi và sừng tê giác cũng như những loài

động, thực vật quý hiếm khác tốt cho sức khoẻ con người đã đẩy chủng loài này đến bờ tuyệt chủng bởi nạn săn bắt trái phép, ảnh hưởng đến chất lượng đa dạng sinh học và tài nguyên thiên nhiên ở rừng H. Hệ quả là thời gian gần đây, rừng H ngày càng khô cằn, không còn dấu hiệu của động vật sinh sống và nạn cháy rừng xảy ra thường xuyên hơn.



Từ các tranh và trường hợp trên, theo em, nguyên nhân phát sinh những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên là gì?

3. Sự cần thiết phải giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

► Em hãy đọc các thông tin sau và trả lời câu hỏi

THÔNG TIN 1

Kể từ khi bắt đầu sự nghiệp đổi mới, nước ta đã đạt được nhiều thành tựu về tăng trưởng kinh tế, tốc độ giảm nghèo nhanh. Tuy nhiên, vấn đề phát triển kinh tế phải đi đôi với bảo vệ môi trường đang đặt ra hết sức cấp thiết. Tình trạng ô nhiễm môi trường từ nước thải công nghiệp và đô thị ngoài việc dẫn đến những nguy cơ nghiêm trọng về sức khoẻ, đặc biệt là đối với trẻ em và người cao tuổi, thì còn tác động rất lớn đến môi trường sinh thái cũng như ô nhiễm nguồn nước. Chẳng hạn, ô nhiễm không khí là một trong những nguyên nhân chủ yếu làm trẻ em dưới 5 tuổi mắc các bệnh đường hô hấp với tỉ lệ cao.

(Theo Trang điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, *Tăng trưởng kinh tế cần gắn với bảo vệ môi trường*, ngày 08 – 8 – 2016)

Chân trời sáng tạo

THÔNG TIN 2

Quá trình phát triển kinh tế biển vẫn còn ẩn chứa không ít nguy cơ và thách thức. Đó là việc phát triển kinh tế biển chưa gắn kết hài hoà với phát triển xã hội và bảo vệ môi trường; tài nguyên biển bị suy thoái; ô nhiễm môi trường biển ở nhiều nơi diễn ra nghiêm trọng, nhất là ô nhiễm rác thải nhựa đại dương; các hệ sinh thái biển, đa dạng sinh học biển bị suy giảm, các sinh cảnh bị mất và bị thu hẹp diện tích. Đáng lo ngại, hiện có khoảng 80% lượng cá trên các vùng biển ven bờ và ngoài khơi của Việt Nam đã bị khai thác quá mức hoặc cạn kiệt; nhiều loài sinh vật biển khác đang đứng trước nguy cơ tuyệt chủng.

(Theo Báo Nhân dân, *Phát triển kinh tế biển gắn với bảo vệ tài nguyên biển*, ngày 12 – 6 – 2022)

THÔNG TIN 3

Môi trường là nhân tố quan trọng hàng đầu để bảo đảm sức khoẻ và chất lượng cuộc sống của nhân dân, do đó mọi đối tượng trong xã hội từ người già đến trẻ nhỏ, từ tổ chức đến cá nhân, từ người sản xuất đến người tiêu dùng đều có quyền và nghĩa vụ trong việc giữ gìn và bảo vệ môi trường. Hiến pháp năm 2013 đã quy định: “Mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường”. Quy định này ghi nhận quyền và nghĩa vụ về bảo vệ môi trường của công dân, tạo cơ sở hiến định cho việc xác lập quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm bảo vệ môi trường vì lợi ích của thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau. Thiên nhiên ban tặng cho con người nhiều thứ. Để giờ đây, khi môi trường đang dần bị xuống cấp, xuất hiện nhiều thiên tai, dịch bệnh, con người mới nhận thấy được tầm quan trọng của môi trường. Vì thế, con người phải bảo vệ môi trường. Chính phủ đã ban hành hàng loạt các văn bản về bảo vệ môi trường nhằm xử lý rác thải; răn đe những tổ chức, cá nhân có hành vi làm tổn hại đến môi trường. Việt Nam có ngày “Giờ Trái Đất 24 – 3”, có những chương trình chung tay góp sức bảo vệ trái đất xanh sạch đẹp, có những hoạt động nhặt rác, thu gom rác trên biển, trong rừng, ... Nước ta cũng khuyến khích người dân đi xe đạp, đi bộ để giảm tải khói bụi từ các loại xe sử dụng xăng. Hiện nay, toàn thế giới đang chung tay giữ gìn một thế giới xanh đẹp, không có ô nhiễm môi trường đi đôi với việc phát triển kinh tế bền vững.

(Theo Tạp chí Cộng sản, *Bảo vệ môi trường và những vấn đề pháp lý đặt ra theo tinh thần Đại hội XIII của Đảng*, ngày 25 – 2 – 2022)



- Theo em, việc phát triển kinh tế ở nước ta đã tác động tiêu cực như thế nào đến môi trường tự nhiên?
- Tại sao môi trường là nhân tố quan trọng hàng đầu cần bảo vệ để đảm bảo phát triển kinh tế bền vững?
- Vì sao phải giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên?

4. Một số biện pháp, chính sách nhằm khắc phục hoặc hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

► Em hãy đọc các thông tin sau và thực hiện yêu cầu

THÔNG TIN 1

Trích Luật Bảo vệ môi trường năm 2020

Điều 5. Chính sách của Nhà nước về bảo vệ môi trường

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân tham gia thực hiện, kiểm tra, giám sát hoạt động bảo vệ môi trường.

2. Tuyên truyền, giáo dục kết hợp với biện pháp hành chính, kinh tế và biện pháp khác để tăng cường việc tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, xây dựng văn hoá bảo vệ môi trường.

3. Chú trọng bảo tồn đa dạng sinh học, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên; khai thác, sử dụng hợp lý và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; phát triển năng lượng sạch và năng lượng tái tạo; phát triển hạ tầng kĩ thuật bảo vệ môi trường.

4. Ưu tiên xử lý ô nhiễm môi trường, phục hồi hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái, chú trọng bảo vệ môi trường khu dân cư.

5. Đa dạng hoá các nguồn vốn đầu tư cho bảo vệ môi trường; bố trí khoản chi riêng cho bảo vệ môi trường trong ngân sách nhà nước với tỉ lệ tăng dần theo khả năng của ngân sách nhà nước và yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ môi trường; ưu tiên nguồn kinh phí cho các nhiệm vụ trọng điểm về bảo vệ môi trường.

6. Bảo đảm quyền lợi của tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân đóng góp cho hoạt động bảo vệ môi trường; ưu đãi, hỗ trợ hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy sản phẩm, dịch vụ thân thiện môi trường.

7. Tăng cường nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ xử lý ô nhiễm, tái chế, xử lý chất thải; ưu tiên chuyển giao và áp dụng công nghệ tiên tiến, công nghệ cao, công nghệ thân thiện môi trường, kĩ thuật hiện có tốt nhất; tăng cường đào tạo nguồn nhân lực về bảo vệ môi trường.

8. Tôn vinh, khen thưởng cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình và cá nhân có đóng góp tích cực trong hoạt động bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

9. Mở rộng, tăng cường hội nhập, hợp tác quốc tế và thực hiện cam kết quốc tế về bảo vệ môi trường.

10. Thực hiện sàng lọc dự án đầu tư theo tiêu chí về môi trường; áp dụng công cụ quản lí môi trường phù hợp theo từng giai đoạn của chiến lược, quy hoạch, chương trình và dự án đầu tư.

11. Lồng ghép, thúc đẩy các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh trong xây dựng và thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án, dự án phát triển kinh tế – xã hội.

THÔNG TIN 2

Phát triển kinh tế bền vững, phát triển xã hội bền vững gắn chặt với xây dựng môi trường sống tự nhiên hài hoà, tốt lành, thân thiện với con người; giảm thiểu các tác động tiêu cực của hoạt động kinh tế đến môi trường; quản lí, khai thác hợp lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nhất là các nguồn tài nguyên không tái tạo được; từng bước thực hiện “tăng trưởng xanh”, phát triển kinh tế carbon thấp; phòng ngừa, kiểm soát và khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, bảo vệ môi trường cho thế hệ hôm nay và cho thế hệ mai sau; chủ động phòng, chống, hạn chế tác

hại của thiên tai, chủ động thích ứng có hiệu quả với biến đổi khí hậu, nhất là nước biển dâng; phát triển kinh tế, phát triển xã hội thích ứng với biến đổi khí hậu.

(Theo Tạp chí Cộng sản, *Quan điểm, chủ trương, chính sách lớn về phát triển bền vững, sáng tạo, bao trùm*, ngày 05 – 12 – 2019)



Nêu các chính sách của Nhà nước nhằm khắc phục, hạn chế tác động của kinh tế đến môi trường trong các thông tin trên.

► **Em hãy đọc các trường hợp sau và thực hiện yêu cầu**

Trường hợp 1

Để vừa mở rộng mô hình sản xuất kinh doanh, vừa đảm bảo bảo vệ môi trường, chuỗi cửa hàng cà phê H đã thay thế túi ni lông bằng túi sinh học phân huỷ hoàn toàn. Đồng thời, Ban quản trị đã đưa ra các chiến lược quảng cáo sản phẩm, chương trình khuyến mãi sử dụng li cá nhân, sử dụng ống hút làm bằng nguyên liệu tự nhiên như bột gạo, giấy, tre,...

Trường hợp 2

Báo cáo về kết quả xử lý các điểm nóng về ô nhiễm môi trường, cơ quan X đã tập trung đẩy mạnh công tác kiểm soát các dự án, nguồn thải lớn, có nguy cơ gây sự cố môi trường; phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành và địa phương thực hiện các hoạt động kiểm tra, khắc phục, xử lý kịp thời các điểm nóng về môi trường. Ngoài ra, cơ quan X còn tiếp tục duy trì tốt hoạt động giám sát môi trường nhằm bảo đảm an toàn về môi trường trong quá trình hoạt động. Qua mỗi đợt giám sát, cơ quan X kịp thời hướng dẫn các doanh nghiệp phương hướng giải quyết các vấn đề và tạo ra những chuyển biến tích cực trong công tác bảo vệ môi trường tại các cơ sở.

Trường hợp 3

Doanh nghiệp K đã thực hiện chính sách “Tiêu dùng xanh” để vừa hạn chế tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên, vừa đẩy mạnh phát triển mô hình sản xuất kinh doanh “xanh” của doanh nghiệp. Những năm qua, doanh nghiệp K đã ứng dụng thành công mô hình “Tiêu dùng xanh” trong sản xuất kinh doanh như: gói rau, củ, quả bằng lá chuối; dùng bình nước bằng thủy tinh, ống hút bằng tre hoặc giấy; sử dụng li giấy thay li nhựa, túi vải thay túi ni lông,... Nhờ có chính sách này, doanh nghiệp K từng bước khẳng định thương hiệu của mình với người tiêu dùng, cũng như góp phần bảo vệ môi trường và phát triển kinh tế bền vững.



- *Nêu các biện pháp nhằm khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên được đề cập trong các trường hợp trên.*
- *Giải thích vì sao chính sách "Tiêu dùng xanh" được xem là giải pháp "cứu cánh" cho vấn đề ô nhiễm môi trường và phát triển kinh tế ở nước ta. Nêu những ưu, nhược điểm của chính sách trên đối với việc bảo vệ môi trường.*
- *Kể thêm một số biện pháp, chính sách khác để khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.*



- Những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên:
 - + Ô nhiễm môi trường đất, môi trường nước, môi trường không khí, ô nhiễm tiếng ồn, khói bụi, rác thải,...
 - + Biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn gia tăng, chất lượng đất trồng, đất canh tác suy giảm.
 - + Đa dạng sinh học và chất lượng hệ sinh thái (rừng, động vật, thực vật) suy giảm.
 - + Suy kiệt tài nguyên thiên nhiên: tài nguyên rừng, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên đất,...
 - + Suy thoái và phát sinh sự cố môi trường như mưa axit, sập hầm lò, tràn dầu,...
- Nguyên nhân phát sinh những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên:
 - + Áp lực gia tăng dân số và tốc độ đô thị hoá dẫn đến ô nhiễm môi trường và biến đổi khí hậu nhanh chóng, ảnh hưởng đến chất lượng cuộc sống người dân;
 - + Công nghệ khai thác, chế biến và xử lý chất thải còn lạc hậu, nhiều địa phương bị hạn chế, chưa có kinh nghiệm trong việc xử lý các sự cố môi trường và hiện tượng biến đổi khí hậu;
 - + Sự gia tăng nhu cầu tiêu dùng, sử dụng nguồn nguyên vật liệu từ tự nhiên và ý thức của chủ thể kinh tế kéo theo các vấn đề liên quan đến suy giảm đa dạng sinh học, suy kiệt tài nguyên thiên nhiên và suy thoái môi trường;
 - + Cuộc chạy đua kinh tế và công nghệ trên toàn cầu kéo theo các vấn đề liên quan đến ô nhiễm, suy kiệt môi trường, tài nguyên và biến đổi khí hậu.
- Sự cần thiết phải giải quyết vấn đề tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên:
 - + Giúp cải thiện chất lượng cuộc sống của con người, giảm áp lực cho các lĩnh vực giáo dục, y tế, kinh tế, an sinh xã hội;
 - + Giảm thiệt hại về kinh tế và thúc đẩy sự phát triển kinh tế bền vững;
 - + Đảm bảo và duy trì sự ổn định, an toàn trong xã hội.
- Một số biện pháp, chính sách nhằm khắc phục, hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên:

- + Ứng dụng khoa học công nghệ thực hiện chuyển đổi số gắn liền với bảo vệ và cải thiện môi trường tự nhiên;
- + Áp dụng thuế suất cao đối với những sản phẩm mà việc sản xuất có tác động xấu đến môi trường; có chính sách ưu đãi, khuyến khích các công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường;
- + Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, tập trung xử lý các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng;
- + Đẩy mạnh thực hiện các chính sách “Tiêu dùng xanh” để huy động khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài nguyên thiên nhiên, nguồn lực xã hội nhằm phát triển bền vững kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường.



LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

- a. Sự phát triển kinh tế đi đôi với giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường ở khu vực đông dân cư.
- b. “Tiêu dùng xanh” là quy trình sản xuất thân thiện với môi trường, không chứa hoá chất độc hại.
- c. Áp dụng thuế suất cao đối với sản phẩm mà trong sản xuất có tác động xấu đến môi trường là biện pháp tối ưu nhất.
- d. Sự phát triển kinh tế vừa tác động tích cực vừa tác động tiêu cực đến các hệ sinh thái, động, thực vật trong môi trường tự nhiên.
- e. Phát triển bền vững là quá trình đạt được tăng trưởng kinh tế ổn định, đều đặn và không làm ảnh hưởng đến xã hội, môi trường.
- g. Bảo vệ môi trường và đảm bảo cân bằng hệ sinh thái không chỉ là trách nhiệm của người dân mà còn của các doanh nghiệp tham gia sản xuất kinh doanh trong nền kinh tế.

2. Em hãy xác định nguyên nhân phát sinh tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên trong các trường hợp sau:

- a. Số lượng cá thể tê tê Java có xu hướng giảm mạnh trong thời gian gần đây và được đưa vào Sách đỏ Việt Nam.
- b. Mực nước biển của nhiều tỉnh ven biển nước ta có dấu hiệu dâng cao, thu hẹp diện tích đất sinh sống của người dân khu vực và phát sinh nhiều cơn bão, lũ hơn trước.
- c. Khu vực đồi núi gần các mỏ khoáng sản thường xuất hiện hiện tượng sạt lở và lũ quét, ảnh hưởng đến đời sống người dân và quá trình khai thác của nhiều nhà máy.

d. Sự xuất hiện của các cao ốc, toà nhà, cơ sở hạ tầng giao thông và mật độ lưu thông xe máy đã khiến tình trạng ô nhiễm khói bụi, tiếng ồn khá phổ biến hiện nay ở các đô thị.

e. Hiện nay, nhiều doanh nghiệp đã chặt phá rừng và khai thác các bãi biển hoang sơ để xây dựng nên những khu nghỉ dưỡng cao cấp, kéo theo đó là sự suy giảm đa dạng sinh học nghiêm trọng.

3. Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi

a. Xí nghiệp Y chuyên sản xuất và phân phối vật liệu xây dựng cho toàn miền Nam. Vì mục tiêu tối ưu hoá lợi nhuận và giảm chi phí sản xuất, xí nghiệp không đầu tư cho hệ thống ống thoát khí thải nên đã gây ra sự cố ô nhiễm không khí nghiêm trọng. Các trường học và hàng quán gần xí nghiệp luôn trong tình trạng khói bụi bám trên các đồ dùng, người dân sinh hoạt khó khăn và lúc nào cũng phải mang khẩu trang. Để khắc phục, xí nghiệp đã ứng dụng công nghệ thực hiện quy trình sản xuất xanh và đầu tư hệ thống xử lý chất thải không khí nghiêm ngặt. Ngoài ra, xí nghiệp còn khắc phục những hậu quả cho người dân bị ảnh hưởng bằng cách đền bù thiệt hại vật chất và hỗ trợ chi phí chăm sóc sức khoẻ.

b. Công ty D (chuyên mua, bán, sơ chế thạch dừa thô) vừa bị chính quyền tỉnh B xử phạt về hành vi lắp đặt thiết bị, đường ống để xả nước thải sản xuất trực tiếp ra môi trường. Công ty còn bị xử phạt về hành vi xả nước thải vượt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải. Sự cố môi trường mà Công ty D gây ra đã làm giảm chất lượng cuộc sống, ảnh hưởng đến sức khoẻ, tính mạng của người dân và gây áp lực lớn đến lĩnh vực kinh tế, y tế, an sinh xã hội của tỉnh B. Không những bị xử phạt hành chính, Công ty D còn phải thực hiện các biện pháp khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường. Cụ thể, công ty phải vận hành đúng quy trình bảo vệ môi trường và khắc phục sự cố ô nhiễm nguồn nước đã gây ra.

c. Thấu hiểu tầm quan trọng và trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường nhằm phát triển bền vững, đảm bảo giữ cân bằng giữa sản xuất kinh doanh và hướng đến cộng đồng, hãng hàng không T luôn nỗ lực đáp ứng các yêu cầu chặt chẽ về bảo vệ môi trường như hạn chế tối đa việc sử dụng túi ni lông và thay thế bằng các chất liệu thân thiện với môi trường. Hãng liên tục nâng cấp các máy bay với động cơ thế hệ mới giúp giảm khí thải, nhiên liệu và tiếng ồn so với thế hệ cũ. Trước những yêu cầu về phát triển kinh tế ít phát thải nhằm hướng tới mục tiêu phát thải ròng bằng "0" vào năm 2050, nỗ lực của hãng hàng không T đóng vai trò hết sức quan trọng, góp phần giảm thiểu các tác động đến môi trường, giảm phát thải khí nhà kính.

– Xí nghiệp Y và Công ty D đã có những tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên và cuộc sống con người như thế nào? Các doanh nghiệp này đã làm gì để khắc phục tình trạng đó?

– Các biện pháp nào đã được hãng hàng không T thực hiện nhằm góp phần giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường?

4. Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi

a. Doanh nghiệp T đã khởi xướng và xây dựng mô hình sản xuất bắt đầu từ việc phân loại, thu gom rác thải nhựa. Đây là khâu quan trọng giúp thu gom và đưa nhựa trở lại phục vụ nền kinh tế, giúp cắt giảm đáng kể lượng khí thải CO₂ từ quá trình sản xuất nhựa. Doanh nghiệp đã giảm 55% nhựa nguyên sinh, 62% bao bì sản phẩm có thể tái chế và 100% bao bì nhựa cứng đều có sử dụng nhựa tái chế. Ngoài ra, doanh nghiệp này còn có kế hoạch thực hiện loại bỏ nhiên liệu hoá thạch trong công thức của các sản phẩm tẩy rửa và giặt giũ. Bên cạnh đó, doanh nghiệp cũng hướng đến việc biến carbon (CO₂) từ khí thải công nghiệp thành các hoá chất và khoáng chất hữu ích để phục vụ cho công tác sản xuất các sản phẩm chăm sóc gia đình. Việc áp dụng phương pháp này trong thời gian gần đây đã giúp doanh nghiệp giảm tới 28% khí nhà kính trong các công thức sản phẩm.

b. Nhằm bắt nhu cầu sử dụng các sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường của người tiêu dùng, Công ty H đã mạnh dạn đầu tư vào công nghệ, nguyên vật liệu tạo ra sản phẩm có giá trị. Công ty này dùng lò hơi sử dụng trấu ép làm nhiên liệu đốt, giúp giảm hơn 50% lượng khí thải CO₂ có hại cho môi trường. Bên cạnh đó, công ty còn duy trì 3T (Tiết giảm, Tái chế và Tái sử dụng) đối với chất thải rắn nhằm tiết kiệm chi phí và giảm phát thải ra môi trường; tiết kiệm tài nguyên nước bằng việc tái sử dụng nước làm mát, xử lý nước thải đạt chuẩn trước khi xả ra môi trường. Điều này không chỉ nâng cao giá trị cạnh tranh cho sản phẩm, uy tín của công ty mà còn góp phần gia tăng sản phẩm xanh, sạch đáp ứng thị hiếu mới của người tiêu dùng.

Em có nhận xét gì về việc làm của các chủ thể kinh tế trong các trường hợp trên? Những việc làm đó mang lại hiệu quả như thế nào?

5. Em hãy đánh giá các biện pháp bảo vệ môi trường được áp dụng trong các trường hợp sau:

a. Mặc dù đã bị xử phạt hành chính nhiều lần vì vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường nhưng do lợi nhuận nên doanh nghiệp K vẫn bất chấp pháp luật và tiếp tục cho hoạt động sản xuất kinh doanh trở lại. Đội Cảnh sát Kinh tế Công an tỉnh Đ đã kiểm tra đột xuất và phát hiện Doanh nghiệp K chuyên sản xuất mỡ bôi trơn gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng trong khu dân cư. Đây không phải là lần đầu doanh nghiệp này vi phạm về bảo vệ môi trường. Trước đó, lực lượng chức năng cũng đã kiểm tra phát hiện doanh nghiệp này vi phạm và đã bị xử phạt gần 200 triệu đồng. Mặc dù chính quyền tỉnh Đ đã nhiều lần yêu cầu chủ cơ sở phải di dời ra khỏi khu dân cư nhưng đến nay, cơ sở không những chưa di dời mà còn tiếp tục lén lút hoạt động và gây ô nhiễm môi trường.

b. Công ty P chuyên sản xuất, chế biến nông sản xuất khẩu. Gần 30 năm đi vào hoạt động, Công ty P đầu tư hệ thống xử lý chất thải, khí thải. Cụ thể, cho che phủ toàn bộ các bể ngâm ủ nguyên liệu, làm tấm tôn chắn tường khu vực bể ngâm với khu dân cư.

c. Công ty chăn nuôi D và Cơ sở sản xuất hạt nhựa tái chế A đã gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng tại địa phương. Người dân sống xung quanh khu vực nhà máy sản xuất đã phát hiện nước thải trực tiếp trên sông có màu đen kịt, hôi thối; tôm, cá trên sông chết hàng loạt. Ủy ban nhân dân tỉnh đã ra quyết định buộc ngừng hoạt động đối với hai công ty này.



VẬN DỤNG

1. Suy tầm một số hình ảnh và thuyết trình về những tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường và nguyên nhân phát sinh những tác động đó ở địa phương em

2. Tìm hiểu và viết bài luận về một số biện pháp, chính sách đang áp dụng tại địa phương nhằm khắc phục và hạn chế tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên





THỰC HÀNH NGHIÊN CỨU VỀ TRƯỜNG HỢP CUỘC SỐNG CON NGƯỜI BỊ ẢNH HƯỞNG DO TÁC ĐỘNG CỦA PHÁT TRIỂN KINH TẾ ĐẾN MÔI TRƯỜNG TỰ NHIÊN



Yêu cầu cần đạt

Thực hiện được bài tập nghiên cứu về trường hợp cuộc sống của con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.

Ô nhiễm môi trường cùng với biến đổi khí hậu đã và đang trở thành vấn đề hết sức cấp bách, báo động ở Việt Nam. Một trong những nguyên nhân dẫn đến tình trạng này là sự tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên, khiến người dân phải gánh chịu một loạt ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, công việc và sinh hoạt thường ngày. Bài học này tập trung vào việc thực hiện bài tập nghiên cứu về trường hợp cuộc sống con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên, từ đó đề xuất một số biện pháp giúp giảm thiểu tác động tiêu cực này.

1. Học liệu, thiết bị học tập

- Sách *Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11*.
- Bài báo, hình ảnh, thông tin thu thập về một số trường hợp cuộc sống của con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.
- Máy tính có kết nối Internet.
- Sổ tay, bút viết, giấy A0,...

Lưu ý: Có thể linh hoạt lựa chọn học liệu, thiết bị học tập phù hợp.

2. Tiến trình thực hành

Hoạt động 1. Xác định nội dung, lựa chọn trường hợp cụ thể để nghiên cứu

- Tạo nhóm từ 4 đến 6 thành viên. Các nhóm nhận nhiệm vụ, thảo luận và xác định những nội dung cần tìm hiểu, nghiên cứu.

– Sau khi xác định được nội dung, nhóm tiếp tục xác định trường hợp cuộc sống của con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên ở địa phương sinh sống hoặc các trường hợp điển hình ở Việt Nam.

Hoạt động 2. Tìm kiếm, xử lý thông tin liên quan đến trường hợp nghiên cứu

– Các thành viên trong nhóm đọc, nghiên cứu và tìm kiếm thông tin về trường hợp nghiên cứu đã xác định trên mạng xã hội, bài báo, hình ảnh, thông tin thu thập được.

– Nhóm tổng hợp, khái quát các thông tin về trường hợp đã tìm kiếm được.

Hoạt động 3. Phân tích các khía cạnh cuộc sống của con người bị ảnh hưởng do sự tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

– Các nhóm thảo luận và phân tích các khía cạnh cuộc sống của con người bị ảnh hưởng do sự tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên từ các thông tin về trường hợp đã tìm hiểu, nghiên cứu được.

– Những vấn đề cần phân tích gồm:

+ Xác định sự tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên và môi trường sống của con người ở khu vực bị tác động.

+ Xác định nguyên nhân phát sinh những tác động tiêu cực đó từ những thông tin tìm kiếm được.

+ Xác định những hậu quả về kinh tế, chất lượng cuộc sống, các vấn đề an sinh xã hội của người dân do sự tác động tiêu cực nêu trên.

– Các nhóm hệ thống thông tin phân tích được bằng sơ đồ, bảng biểu, hình ảnh,... để phục vụ cho việc bình luận dữ liệu.

Hoạt động 4. Bình luận về trường hợp cuộc sống con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên

– Dựa trên các dữ liệu, thông tin đã hệ thống, các nhóm tiếp tục thảo luận để bình luận và đề xuất giải pháp khắc phục dựa trên các dữ liệu, thông tin này.

– Những vấn đề cần bình luận gồm:

+ So sánh cuộc sống của con người trước và sau khi bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.

+ Nêu ý kiến, cảm nhận của bản thân sau khi phân tích, so sánh về trường hợp cuộc sống con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.

+ Đề xuất giải pháp khắc phục dựa trên các dữ liệu, thông tin đã phân tích, so sánh.

Hoạt động 5. Thuyết trình về kết quả của bài tập nghiên cứu trường hợp

Sau khi đã bình luận về bài tập nghiên cứu trường hợp trên, các nhóm lựa chọn hình thức thuyết trình và trình bày trước lớp về kết quả nghiên cứu.

Gợi ý: Các nhóm linh động lựa chọn các hình thức thuyết trình khác nhau để truyền tải kết quả bài tập đã thực hiện như: video clip phóng sự, diễn kịch, toạ đàm/ hội thảo, triển lãm,...

Hoạt động 6. Đánh giá, nhận xét

– Trong khi nhóm thuyết trình, các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, đặt câu hỏi, trao đổi và bình luận về kết quả bài tập nghiên cứu của nhóm thuyết trình.

– Tổ chức bình chọn và chấm điểm cho bài tập nghiên cứu của các nhóm về cả mặt nội dung lẫn hình thức theo các tiêu chí gợi ý sau:

Thang điểm: 1 = Kém; 2 = Yếu; 3 = Khá; 4 = Tốt; 5 = Xuất sắc

Tiêu chí		Yêu cầu	Điểm				
Nội dung	1	Nội dung rõ ràng, phản ánh đúng trường hợp cuộc sống của con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.	1	2	3	4	5
	2	Nội dung có sự liên kết với kiến thức đã học về tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên và cuộc sống con người.	1	2	3	4	5
	3	Đề xuất được giải pháp khắc phục dựa trên các dữ liệu, thông tin đã phân tích, so sánh trong trường hợp.	1	2	3	4	5
	4	Có liên hệ với thực tiễn.	1	2	3	4	5
Trình bày	5	Giọng nói rõ ràng, âm lượng vừa phải, đủ nghe.	1	2	3	4	5
	6	Tốc độ trình bày vừa phải, hợp lí.	1	2	3	4	5
	7	Thể hiện được cảm hứng, sự tự tin, nhiệt tình khi thuyết trình.	1	2	3	4	5
	8	Phân bố thời gian hợp lí.	1	2	3	4	5
Sử dụng công nghệ	9	Phông chữ, màu chữ, cỡ chữ hợp lí.	1	2	3	4	5
	10	Hiệu ứng hình ảnh dễ nhìn, dễ đọc.	1	2	3	4	5
Tổng số mục đạt điểm							

Điểm trung bình _____ (Cộng tổng điểm chia cho 10 nếu hoạt động trình bày sử dụng công nghệ, chia cho 8 nếu hoạt động trình bày không sử dụng công nghệ).

Hoạt động 7. Chia sẻ cảm nhận và đúc kết bài học

- Các nhóm/ cá nhân chia sẻ cảm xúc, suy nghĩ của bản thân trong quá trình chuẩn bị, thực hiện và trình bày về bài tập nghiên cứu.
- Các nhóm/ cá nhân chia sẻ về bài học đúc kết được qua việc thực hiện bài tập nghiên cứu trường hợp về cuộc sống con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.



Các bước thực hiện bài tập nghiên cứu về trường hợp cuộc sống của con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên gồm:

- Bước 1: Xác định chủ đề và trường hợp cụ thể về cuộc sống của con người bị ảnh hưởng bởi tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.
- Bước 2: Tìm kiếm, xử lý thông tin liên quan đến trường hợp nghiên cứu đó.
- Bước 3: Phân tích các khía cạnh cuộc sống của con người bị ảnh hưởng do sự tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên.
- Bước 4: Thảo luận, nêu ý kiến, cảm nhận của bản thân sau khi phân tích, so sánh về trường hợp cuộc sống con người bị ảnh hưởng xấu do tác động tiêu cực của phát triển kinh tế đến môi trường tự nhiên và đề xuất biện pháp khắc phục, hạn chế phù hợp.

Chân trời sáng tạo

CHUYÊN ĐỀ 2: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT DÂN SỰ

BÀI
3

KHÁI QUÁT VỀ PHÁP LUẬT DÂN SỰ



Yêu cầu cần đạt

- Nêu được khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự.
- Nhận biết được hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật dân sự trong các tình huống cụ thể đơn giản thường gặp.
- Tích cực, chủ động vận động người khác điều chỉnh hành vi pháp luật về dân sự; phê phán các hành vi vi phạm pháp luật dân sự.



MỞ ĐẦU

Luật Dân sự là một ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam bao gồm những quy phạm pháp luật dân sự điều chỉnh các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân. Luật Dân sự không chỉ có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể mà còn góp phần đảm bảo trật tự, ổn định của các quan hệ xã hội.

► Chia sẻ với các bạn những hiểu biết của em về pháp luật dân sự



KHÁM PHÁ

1. Khái niệm, các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự

a. Khái niệm pháp luật dân sự

► Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi

THÔNG TIN

Trích Bộ luật Dân sự năm 2015

– Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bộ luật này quy định địa vị pháp lí, chuẩn mực pháp lí về cách ứng xử của cá nhân, pháp nhân; quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của cá nhân, pháp nhân trong các quan hệ được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm.

– Điều 25. Quyền nhân thân

1. Quyền nhân thân được quy định trong Bộ luật này là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác.

2. Việc xác lập, thực hiện quan hệ dân sự liên quan đến quyền nhân thân của người chưa thành niên, người mất năng lực hành vi dân sự, người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi phải được người đại diện theo pháp luật của người này đồng ý theo quy định của Bộ luật này, luật khác có liên quan hoặc theo quyết định của Tòa án.

Việc xác lập, thực hiện quan hệ dân sự liên quan đến quyền nhân thân của người bị tuyên bố mất tích, người đã chết phải được sự đồng ý của vợ, chồng hoặc con thành niên của người đó; trường hợp không có những người này thì phải được sự đồng ý của cha, mẹ của người bị tuyên bố mất tích, người đã chết, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.

– Điều 115. Quyền tài sản

Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền, bao gồm quyền tài sản đối với đối tượng quyền sở hữu trí tuệ, quyền sử dụng đất và các quyền tài sản khác.

 Trường hợp 1

Chị A tổ chức triển lãm giới thiệu những bức tranh mới của mình. Trong buổi triển lãm, anh B đề nghị mua một bức tranh với giá 3 triệu đồng. Sau khi anh B thanh toán đủ tiền, hai ngày sau, chị A đã giao bức tranh trên đến nhà của anh B theo đúng cam kết.

 Trường hợp 2

Công ty M kí kết hợp đồng mua 200 tấn gạo của Công ty N. Giá mỗi tấn gạo theo thoả thuận là 17 triệu đồng. Khi thực hiện hợp đồng, Công ty N đã giao cho Công ty M 180 tấn gạo và còn thiếu 20 tấn.



– Pháp luật dân sự điều chỉnh các quan hệ xã hội nào?

– Quan hệ xã hội nào giữa các chủ thể trong những trường hợp trên thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật dân sự?

b. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự

► Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và thực hiện yêu cầu

THÔNG TIN

Trích Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 3. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự

1. Mọi cá nhân, pháp nhân đều bình đẳng, không được lấy bất kì lí do nào để phân biệt đối xử; được pháp luật bảo hộ như nhau về các quyền nhân thân và tài sản.

2. Cá nhân, pháp nhân xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình trên cơ sở tự do, tự nguyện cam kết, thoả thuận. Mọi cam kết, thoả thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội có hiệu lực thực hiện đối với các bên và phải được chủ thể khác tôn trọng.

3. Cá nhân, pháp nhân phải xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự của mình một cách thiện chí, trung thực.

4. Việc xác lập, thực hiện, chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự không được xâm phạm đến lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác.

5. Cá nhân, pháp nhân phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ dân sự.

Trường hợp 1

Anh A kí hợp đồng thuê nhà của chị B có thời hạn ba năm, điều khoản thời hạn thanh toán là trong năm ngày đầu tiên của tháng. Sáu tháng thuê đầu tiên, anh A luôn chuyển tiền thuê nhà cho chị B đúng hạn. Đến tháng thứ bảy, dù đã đến ngày thứ chín nhưng anh A vẫn chưa thanh toán tiền nhà như thoả thuận. Chị B đã yêu cầu anh A phải thực hiện việc thanh toán, nếu không chị sẽ yêu cầu chấm dứt hợp đồng, buộc anh A phải trả lại nhà.

Trường hợp 2

Khi xây nhà, ông A đã kí hợp đồng xây dựng với Công ty xây dựng Y (ông B là đại diện). Để đảm bảo không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nhà liền kề là bà C trong quá trình xây dựng, ông A và Công ty Y đã thoả thuận trong hợp đồng hoạt động xây dựng phải đảm bảo an toàn, không gây thiệt hại cho bà C. Trường hợp có thiệt hại xảy ra thì Công ty Y phải chịu toàn bộ trách nhiệm bồi thường thiệt hại.

Trường hợp 3

Để đền bù vì đã làm vỡ mặt điện thoại di động của con ông B, A (14 tuổi) đã bán chiếc xe đạp cho ông B với giá 500 000 đồng. Khi thấy A đi học về mà không có xe đạp, bố mẹ gặng hỏi nên A đã kể lại toàn bộ sự việc. Sau đó, bố A đã đến gặp ông B xin chuộc chiếc xe và gửi lại 500 000 đồng. Ông B vui vẻ đồng ý nhận tiền và trả lại xe đạp.



- Em hãy xác định các nguyên tắc của pháp luật dân sự.
- Cho biết hành vi của các nhân vật trong những trường hợp trên phù hợp với nguyên tắc nào của pháp luật dân sự.

2. Hành vi vi phạm pháp luật dân sự và hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật dân sự

a. Hành vi vi phạm pháp luật dân sự

► Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và thực hiện yêu cầu

THÔNG TIN

Trích Bộ luật Dân sự năm 2015

– Điều 32. Quyền của cá nhân đối với hình ảnh

1. Cá nhân có quyền đối với hình ảnh của mình.

Việc sử dụng hình ảnh của cá nhân phải được người đó đồng ý.

Việc sử dụng hình ảnh của người khác vì mục đích thương mại thì phải trả thù lao cho người có hình ảnh, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác.

2. Việc sử dụng hình ảnh trong trường hợp sau đây không cần có sự đồng ý của người có hình ảnh hoặc người đại diện theo pháp luật của họ:

a) Hình ảnh được sử dụng vì lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng;

b) Hình ảnh được sử dụng từ các hoạt động công cộng, bao gồm hội nghị, hội thảo, hoạt động thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động công cộng khác mà không làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hình ảnh.

3. Việc sử dụng hình ảnh mà vi phạm quy định tại Điều này thì người có hình ảnh có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định buộc người vi phạm, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thu hồi, tiêu huỷ, chấm dứt việc sử dụng hình ảnh, bồi thường thiệt hại và áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.

– Điều 419. Thiệt hại được bồi thường do vi phạm hợp đồng

1. Thiệt hại được bồi thường do vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều này, Điều 13 và Điều 360 của Bộ luật này.

2. Người có quyền có thể yêu cầu bồi thường thiệt hại cho lợi ích mà lẽ ra mình sẽ được hưởng do hợp đồng mang lại. Người có quyền còn có thể yêu cầu người có nghĩa vụ chi trả chi phí phát sinh do không hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng mà không trùng lặp với mức bồi thường thiệt hại cho lợi ích mà hợp đồng mang lại.

3. Theo yêu cầu của người có quyền, Tòa án có thể buộc người có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tinh thần cho người có quyền. Mức bồi thường do Tòa án quyết định căn cứ vào nội dung vụ việc.

– Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

2. Trường hợp bên vay không thể trả vật thì có thể trả bằng tiền theo trị giá của vật đã vay tại địa điểm và thời điểm trả nợ, nếu được bên cho vay đồng ý.

3. Địa điểm trả nợ là nơi cư trú hoặc nơi đặt trụ sở của bên cho vay, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

4. Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc luật có quy định khác.

5. Trường hợp vay có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên vay phải trả lãi như sau:

a) Lãi trên nợ gốc theo lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tương ứng với thời hạn vay mà đến hạn chưa trả; trường hợp chậm trả thì còn phải trả lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này;

b) Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% lãi suất vay theo hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Trường hợp 1

A là nữ sinh lớp 11 đang theo học tại Trường Trung học phổ thông M. A thường tham gia chụp hình cho các hoạt động của trường. Một lần, đi ngang qua cơ sở thẩm mỹ X, A thấy ảnh của mình trên biển quảng cáo nên yêu cầu chị D (chủ cơ sở thẩm mỹ X) gỡ các hình ảnh của mình xuống vì chưa xin phép sử dụng. Tuy nhiên, chị D không đồng ý gỡ bỏ các hình ảnh này vì đây cũng là việc góp phần quảng cáo tên tuổi cho A.

Trường hợp 2

Anh A cho chị B vay 1 tỉ đồng (có hợp đồng vay tiền), trong đó thoả thuận thời hạn trả nợ là một năm kể từ ngày kí kết hợp đồng. Tuy nhiên, khi đến hạn, chị B không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Sau nhiều lần yêu cầu không thành công, anh A đã khởi kiện vụ việc ra Tòa án và yêu cầu Tòa án buộc chị B phải trả lại số tiền đã vay, tiền lãi và bồi thường thiệt hại.



- Cho biết hành vi nào của các nhân vật trong những trường hợp trên là vi phạm pháp luật dân sự.
- Nêu một số hành vi vi phạm pháp luật dân sự khác mà em biết.

b. Hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật dân sự

► *Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi*

THÔNG TIN

Trích Bộ luật Dân sự năm 2015

– *Điều 584. Căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại*

1. Người nào có hành vi xâm phạm tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.

2. Người gây thiệt hại không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại trong trường hợp thiệt hại phát sinh là do sự kiện bất khả kháng hoặc hoàn toàn do lỗi của bên bị thiệt hại, trừ trường hợp có thoả thuận khác hoặc luật có quy định khác.

3. Trường hợp tài sản gây thiệt hại thì chủ sở hữu, người chiếm hữu tài sản phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại, trừ trường hợp thiệt hại phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều này.

– *Điều 585. Nguyên tắc bồi thường thiệt hại*

1. Thiệt hại thực tế phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời. Các bên có thể thoả thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, phương thức bồi thường một lần hoặc nhiều lần, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Người chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại có thể được giảm mức bồi thường nếu không có lỗi hoặc có lỗi vô ý và thiệt hại quá lớn so với khả năng kinh tế của mình.

3. Khi mức bồi thường không còn phù hợp với thực tế thì bên bị thiệt hại hoặc bên gây thiệt hại có quyền yêu cầu Tòa án hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác thay đổi mức bồi thường.

4. Khi bên bị thiệt hại có lỗi trong việc gây thiệt hại thì không được bồi thường phần thiệt hại do lỗi của mình gây ra.

5. Bên có quyền, lợi ích bị xâm phạm không được bồi thường nếu thiệt hại xảy ra do không áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý để ngăn chặn, hạn chế thiệt hại cho chính mình.

Trường hợp

Ông K lái xe tải chở vật liệu xây dựng từ cửa hàng về nhà để hoàn thiện công trình xây dựng. Trong quá trình vận chuyển, một thanh sắt rơi xuống, nằm chắn ngang đường đi. Đúng lúc đó, ông A đi xe máy tới. Do bất ngờ phanh gấp nên ông bị trượt ngã xuống đường. Hậu quả, ông A bị gãy chân, phải điều trị tại bệnh viện một tháng với tổng chi phí là 50 triệu đồng. Trong thời gian ông A điều trị, con gái ông phải nghỉ việc để vào bệnh viện chăm sóc cho ông.



- Hành vi vi phạm pháp luật dân sự phải chịu hậu quả gì?
- Theo em, hành vi của ông K trong trường hợp trên đã gây ra những hậu quả gì?



- Pháp luật dân sự bao gồm hệ thống các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành nhằm điều chỉnh quyền, nghĩa vụ về nhân thân và tài sản của cá nhân, pháp nhân trong các quan hệ được hình thành trên cơ sở bình đẳng, tự do ý chí, độc lập về tài sản và tự chịu trách nhiệm.
 - + Quyền nhân thân là quyền dân sự gắn liền với mỗi cá nhân, không thể chuyển giao cho người khác (trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác).
 - + Quyền tài sản là quyền trị giá được bằng tiền.
- Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự bao gồm: bình đẳng; tự do, tự nguyện cam kết, thoả thuận; thiện chí, trung thực; tôn trọng lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của người khác; tự chịu trách nhiệm dân sự.
- Hành vi vi phạm pháp luật dân sự là các hành vi xâm phạm đến các quan hệ tài sản và quan hệ nhân thân trong lĩnh vực dân sự như vi phạm nghĩa vụ dân sự, hợp đồng dân sự, vi phạm pháp luật dân sự ngoài hợp đồng,...
- Trong hoạt động dân sự, hành vi vi phạm pháp luật dân sự có thể dẫn tới các hậu quả pháp lí bất lợi như: bồi thường thiệt hại, khôi phục lại tình trạng ban đầu, buộc hoàn trả, buộc sửa chữa hoặc các hậu quả khác: buộc chấm dứt hành vi xâm hại, buộc xin lỗi, cải chính công khai,...
- Công dân cần tìm hiểu các quy định của pháp luật dân sự để sử dụng quyền, thực hiện các nghĩa vụ; tôn trọng quyền và nghĩa vụ của chủ thể khác; nhận biết các hành vi vi phạm pháp luật dân sự và tuyên truyền, vận động người khác biết và không vi phạm pháp luật dân sự.



LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

- Người có hành vi vi phạm pháp luật dân sự thì chỉ phải bồi thường thiệt hại.
- Luật Dân sự điều chỉnh tất cả các quan hệ tài sản và nhân thân trong giao lưu dân sự.

- c. Nguyên tắc thiện chí, trung thực thể hiện ở việc các bên trong quan hệ pháp luật dân sự phải hợp tác, giúp đỡ nhau để tạo lập và thực hiện các quyền và nghĩa vụ dân sự.
- d. Quan hệ nhân thân không thể tính được thành tiền và không thể chuyển giao cho người khác.
- e. Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự của một chủ thể không được xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khác.

2. Em hãy đọc các trường hợp sau và xác định hậu quả của hành vi vi phạm pháp luật dân sự

a. Anh H kí kết hợp đồng mua xúc xích với cửa hàng của chị Y. Hai bên thoả thuận cửa hàng của chị Y cung cấp mỗi tháng cho nhà anh H một thùng xúc xích với chất lượng đảm bảo, trong thời hạn một năm. Anh H đã thanh toán trước cho chị Y 2 triệu đồng. Một lần, sau khi con gái anh H ăn xúc xích thì bị ngộ độc và phải nhập viện. Toàn bộ chi phí điều trị là 5 triệu đồng. Qua kiểm tra thực phẩm, cơ quan chức năng kết luận con gái anh H bị ngộ độc là do xúc xích của hàng chị Y cung cấp không đảm bảo chất lượng.

b. Anh M mượn của anh N một chiếc máy tính hiệu X. Trong quá trình sử dụng, anh M đã làm mất chiếc máy tính. Anh M đề nghị trả cho anh N một khoản tiền, tuy nhiên, anh N không đồng ý, yêu cầu anh M mua và trả lại đúng chiếc máy tính hiệu X.

3. Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi

Trên đường đi học về, A và B nhặt được chiếc túi, trong đó có một máy tính xách tay, 3 triệu đồng và một số giấy tờ tùy thân của ông C nhưng không rõ địa chỉ. A bảo B lấy tiền và mang máy tính về nhà sử dụng. Tuy nhiên, B không đồng tình và khuyên A tìm cách trả lại tài sản cho người bị mất hoặc giao nộp lại cho cơ quan có thẩm quyền.

Em đồng tình với ý kiến của A hay B? Vì sao?

4. Em hãy đọc các trường hợp sau và nhận xét hành vi của các nhân vật

a. Hộ gia đình bà M nuôi rất nhiều lợn nhưng không có hệ thống xử lí chất thải. Chất thải được xả trực tiếp vào đường thoát nước chung, làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường và cuộc sống của những hộ dân xung quanh. Biết được sự việc, anh H – một cán bộ xã đã xuống giải thích cho bà M về nghĩa vụ đảm bảo vệ sinh môi trường, không gây ảnh hưởng tới các hộ dân xung quanh trong quá trình chăn nuôi. Sau khi nghe giải thích, bà M đã hiểu và hứa sẽ thực hiện nghiêm túc các biện pháp đảm bảo vệ sinh môi trường, đồng thời bồi thường thiệt hại do hành vi xả thải gây ra.

b. Ông A kí hợp đồng đặt cọc nhận chuyển nhượng thửa đất ở nông thôn của ông B với giá 500 triệu đồng, đặt cọc trước 100 triệu đồng. Trong hợp đồng đặt cọc có ghi rõ, trường hợp ông B không bán thì phải bồi thường tiền cọc gấp hai lần. Sau khi kí hợp đồng đặt cọc, ông A đã thanh toán số tiền cọc 100 triệu đồng cho ông B. Hôm sau, ông B không đồng ý chuyển nhượng thửa đất trên cho ông A vì giá quá thấp. Ông B cũng không đồng ý bồi thường tiền cọc như thoả thuận mà chỉ trả lại cho ông A số tiền cọc 100 triệu đồng.

VẬN DỤNG

- 1. Hãy sưu tầm ba hành vi phù hợp với quy định pháp luật dân sự và chia sẻ cùng các bạn bài học rút ra từ các hành vi đó**
- 2. Em hãy thiết kế tờ gấp pháp luật thể hiện nội dung các nguyên tắc cơ bản của Luật Dân sự**





MỘT SỐ CHẾ ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT DÂN SỰ VỀ HỢP ĐỒNG DÂN SỰ, NGHĨA VỤ DÂN SỰ, THỪA KẾ, HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH



Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số chế định cụ thể của pháp luật dân sự về: hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế, hôn nhân và gia đình.
- Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến pháp luật dân sự về hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế di sản, hôn nhân và gia đình.
- Điều chỉnh được hành vi pháp luật của bản thân trong giải quyết các vấn đề liên quan đến các quy định của pháp luật dân sự về hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế di sản, hôn nhân và gia đình.



MỞ ĐẦU

Pháp luật dân sự gồm nhiều chế định, trong đó hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế, hôn nhân và gia đình. Đây là những chế định có vai trò quan trọng trong cuộc sống.

► *Em hãy chia sẻ hiểu biết của em về một chế định của pháp luật dân sự*



KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về hợp đồng dân sự

► *Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và thực hiện yêu cầu*

THÔNG TIN

Trích Bộ luật Dân sự năm 2015

– Điều 385. Khái niệm hợp đồng

Hợp đồng là sự thoả thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.

– Điều 398. Nội dung của hợp đồng

1. Các bên trong hợp đồng có quyền thoả thuận về nội dung trong hợp đồng.

2. Hợp đồng có thể có các nội dung sau đây:

a) Đối tượng của hợp đồng;

b) Số lượng, chất lượng;

c) Giá, phương thức thanh toán;

d) Thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng;

đ) Quyền, nghĩa vụ của các bên;

e) Trách nhiệm do vi phạm hợp đồng;

g) Phương thức giải quyết tranh chấp.

– Điều 117. Điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự

1. Giao dịch dân sự có hiệu lực khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với giao dịch dân sự được xác lập;

b) Chủ thể tham gia giao dịch dân sự hoàn toàn tự nguyện;

c) Mục đích và nội dung của giao dịch dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

2. Hình thức của giao dịch dân sự là điều kiện có hiệu lực của giao dịch dân sự trong trường hợp luật có quy định.

– Điều 119. Hình thức giao dịch dân sự

1. Giao dịch dân sự được thể hiện bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể.

Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản.

2. Trường hợp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng, chứng thực, đăng kí thì phải tuân theo quy định đó.

Trường hợp 1

Anh B kí hợp đồng mua bán căn hộ chung cư cao cấp tại khu đô thị mới với chủ đầu tư là Công ty cổ phần đầu tư T. Sau 30 ngày, hai bên thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng cam kết trong hợp đồng. Anh B thanh toán toàn bộ giá trị căn hộ và nhận bàn giao căn hộ từ chủ đầu tư T. Chủ đầu tư T phối hợp chặt chẽ với cơ quan chức năng để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở đối với căn hộ nêu trên cho anh B.

Trường hợp 2

Anh A đến quán cà phê X và gửi xe máy tại bãi giữ xe của quán. Anh A yêu cầu lấy thẻ giữ xe, tuy nhiên nhân viên bảo vệ cho rằng không cần thiết. Lúc sau, anh A ra lấy xe nhưng chiếc xe đã bị mất.

Trường hợp 3

Bà V mang điện thoại đến Công ty T để sửa chữa. Sau khi kiểm tra tình trạng máy, nhân viên của công ty báo giá là 2 triệu đồng và thời gian chờ lấy máy là một tuần. Nhân viên đã tiến hành thay thế linh kiện, sửa chữa theo đúng chất lượng và chủng loại mà bà V yêu cầu. Bảy ngày sau, bà V đến nhận điện thoại và thanh toán chi phí sửa chữa theo thoả thuận trước đó.

- Nêu khái niệm hợp đồng dân sự và những hình thức của hợp đồng dân sự.
- Hãy chỉ ra loại hợp đồng dân sự trong các trường hợp nêu trên.
- Hãy kể tên một số loại hợp đồng dân sự khác mà em biết.

2. Một số quy định cơ bản của pháp luật về nghĩa vụ dân sự

► Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi

THÔNG TIN

Trích Bộ luật Dân sự năm 2015

– Điều 274. Nghĩa vụ

Nghĩa vụ là việc mà theo đó, một hoặc nhiều chủ thể phải chuyển giao vật, chuyển giao quyền, trả tiền hoặc giấy tờ có giá, thực hiện công việc hoặc không được thực hiện công việc nhất định vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ thể khác.

– Điều 275. Căn cứ phát sinh nghĩa vụ

Nghĩa vụ phát sinh từ căn cứ sau đây:

1. Hợp đồng;
2. Hành vi pháp lí đơn phương;
3. Thực hiện công việc không có uỷ quyền;
4. Chiếm hữu, sử dụng tài sản hoặc được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật;
5. Gây thiệt hại do hành vi trái pháp luật;
6. Căn cứ khác do pháp luật quy định.

– Điều 292. Biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bao gồm:

1. Cầm cố tài sản;
2. Thế chấp tài sản;
3. Đặt cọc;
4. Kí cược;
5. Kí quỹ;
6. Bảo lưu quyền sở hữu;
7. Bảo lãnh;
8. Tín chấp;
9. Cầm giữ tài sản.

Trường hợp 1

Bà M bán cho ông K một chiếc xe ô tô đã qua sử dụng với giá 300 triệu đồng. Khi thoả thuận xong về thời gian, địa điểm giao xe, bà M và ông K đã đến Phòng Công chứng số 1 tỉnh X làm hợp đồng mua bán. Sau đó, bà M đã bàn giao chiếc xe ô tô cho ông K và ông K đã thanh toán đủ số tiền cho bà M như trong hợp đồng đã kí kết.

Trường hợp 2

Ông D lái xe gấn máy (trong tình trạng đã sử dụng rượu bia) gây ra tai nạn, làm chị H té xuống đường. Hậu quả chị H bị gãy tay, còn xe bị hư hỏng. Tổng chi phí để chị H điều trị vết thương và sửa chữa xe là 17 triệu đồng. Sau khi thoả thuận và thống nhất với chị H, ông D đã bồi thường cho chị H 20 triệu đồng.



- Nghĩa vụ dân sự là gì? Nghĩa vụ dân sự phát sinh từ những căn cứ nào?
- Có những biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ nào?
- Trong các trường hợp trên, các nhân vật có nghĩa vụ gì?

3. Một số quy định cơ bản của pháp luật về thừa kế

► Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi

THÔNG TIN

Trích Bộ luật Dân sự năm 2015

- Điều 609. Quyền thừa kế

Cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình; để lại tài sản của mình cho người thừa kế theo pháp luật; hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật.

Người thừa kế không là cá nhân có quyền hưởng di sản theo di chúc.

– Điều 611. Thời điểm, địa điểm mở thừa kế

1. Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Trường hợp Toà án tuyên bố một người là đã chết thì thời điểm mở thừa kế là ngày được xác định tại khoản 2 Điều 71 của Bộ luật này.

– Điều 612. Di sản

Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác.

– Điều 613. Người thừa kế

Người thừa kế là cá nhân phải là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết. Trường hợp người thừa kế theo di chúc không là cá nhân thì phải tồn tại vào thời điểm mở thừa kế.

– Điều 624. Di chúc

Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết.

– Điều 626. Quyền của người lập di chúc

Người lập di chúc có quyền sau đây:

1. Chỉ định người thừa kế; truất quyền hưởng di sản của người thừa kế;
2. Phân định phần di sản cho từng người thừa kế;
3. Dành một phần tài sản trong khối di sản để di tặng, thờ cúng;
4. Giao nghĩa vụ cho người thừa kế;
5. Chỉ định người giữ di chúc, người quản lí di sản, người phân chia di sản.

– Điều 649. Thừa kế theo pháp luật

Thừa kế theo pháp luật là thừa kế theo hàng thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật quy định.

– Điều 651. Người thừa kế theo pháp luật

1. Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:

a) Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;

b) Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;

c) Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột; chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.

2. Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.

3. Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.

Trường hợp 1

Ông P có ba người con, trong đó có một người đã mất từ nhỏ. Ông không rõ những người con nào sẽ được hưởng thừa kế khi ông chết. Ông P liên hệ với công chức tư pháp – hộ tịch xã và được tư vấn rằng người thừa kế phải là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế, do đó chỉ có hai người con còn sống mới được hưởng thừa kế.

Trường hợp 2

Do thấy mình tuổi cao sức yếu nên bà A muốn lập di chúc để lại một phần tài sản cho các con và một phần tặng cho Trung tâm Bảo trợ và Chăm sóc trẻ em X. Để thực hiện nguyện vọng này, bà A đã đến Văn phòng công chứng H lập di chúc với nội dung như trên.



- Thừa kế là gì? Có những trường hợp thừa kế nào?
- Người thừa kế của ông P gồm những ai?
- Bà A có quyền lập di chúc với nội dung như trên không? Vì sao?

4. Một số quy định cơ bản của pháp luật về hôn nhân và gia đình

► Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và thực hiện yêu cầu

THÔNG TIN 1

Trích Bộ luật Dân sự năm 2015

Điều 39. Quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình

1. Cá nhân có quyền kết hôn, li hôn, quyền bình đẳng của vợ chồng, quyền xác định cha, mẹ, con, quyền được nhận làm con nuôi, quyền nuôi con nuôi và các quyền nhân thân khác trong quan hệ hôn nhân, quan hệ cha mẹ và con và quan hệ giữa các thành viên gia đình.

Con sinh ra không phụ thuộc vào tình trạng hôn nhân của cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ như nhau đối với cha, mẹ của mình.

2. Cá nhân thực hiện quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình theo quy định của Bộ luật này, Luật Hôn nhân và gia đình và luật khác có liên quan.

THÔNG TIN 2

Trích Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

– Điều 17. Bình đẳng về quyền, nghĩa vụ giữa vợ, chồng

Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình, trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân được quy định trong Hiến pháp, Luật này và các luật khác có liên quan.

– Điều 19. *Tình nghĩa vợ chồng*

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thoả thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và lí do chính đáng khác.

– Điều 21. *Tôn trọng danh dự, nhân phẩm, uy tín của vợ, chồng*

Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau.

– Điều 22. *Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của vợ, chồng*

Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhau.

– Điều 23. *Quyền, nghĩa vụ về học tập, làm việc, tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội*

Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ tạo điều kiện, giúp đỡ nhau chọn nghề nghiệp; học tập, nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội.

THÔNG TIN 3

Trích Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

– Điều 28. *Áp dụng chế độ tài sản của vợ chồng*

1. Vợ chồng có quyền lựa chọn áp dụng chế độ tài sản theo luật định hoặc chế độ tài sản theo thoả thuận.

Chế độ tài sản của vợ chồng theo luật định được thực hiện theo quy định tại các điều từ Điều 33 đến Điều 46 và từ Điều 59 đến Điều 64 của Luật này.

Chế độ tài sản của vợ chồng theo thoả thuận được thực hiện theo quy định tại các điều 47, 48, 49, 50 và 59 của Luật này.

– Điều 29. *Nguyên tắc chung về chế độ tài sản của vợ chồng*

1. Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập.

2. Vợ, chồng có nghĩa vụ bảo đảm điều kiện để đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình.

3. Việc thực hiện quyền, nghĩa vụ về tài sản của vợ chồng mà xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của vợ, chồng, gia đình và của người khác thì phải bồi thường.

Trích Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

– Điều 69. Nghĩa vụ và quyền của cha mẹ

1. Thương yêu con, tôn trọng ý kiến của con; chăm lo việc học tập, giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội.

2. Trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

3. Giám hộ hoặc đại diện theo quy định của Bộ luật Dân sự cho con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự.

4. Không được phân biệt đối xử với con trên cơ sở giới hoặc theo tình trạng hôn nhân của cha mẹ; không được lạm dụng sức lao động của con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động; không được xúi giục, ép buộc con làm việc trái pháp luật, trái đạo đức xã hội.

– Điều 70. Quyền và nghĩa vụ của con

1. Được cha mẹ thương yêu, tôn trọng, thực hiện các quyền, lợi ích hợp pháp về nhân thân và tài sản theo quy định của pháp luật; được học tập và giáo dục; được phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức.

2. Có bổn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình.

3. Con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình thì có quyền sống chung với cha mẹ, được cha mẹ trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc.

Con chưa thành niên tham gia công việc gia đình phù hợp với lứa tuổi và không trái với quy định của pháp luật về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

4. Con đã thành niên có quyền tự do lựa chọn nghề nghiệp, nơi cư trú, học tập, nâng cao trình độ văn hoá, chuyên môn, nghiệp vụ; tham gia hoạt động chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội theo nguyện vọng và khả năng của mình. Khi sống cùng với cha mẹ, con có nghĩa vụ tham gia công việc gia đình, lao động, sản xuất, tạo thu nhập nhằm bảo đảm đời sống chung của gia đình; đóng góp thu nhập vào việc đáp ứng nhu cầu của gia đình phù hợp với khả năng của mình.

5. Được hưởng quyền về tài sản tương xứng với công sức đóng góp vào tài sản của gia đình.

– Điều 104. Quyền, nghĩa vụ của ông bà nội, ông bà ngoại và cháu

1. Ông bà nội, ông bà ngoại có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu, sống mẫu

mục và nêu gương tốt cho con cháu; trường hợp cháu chưa thành niên, cháu đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình mà không có người nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 105 của Luật này thì ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu.

2. Cháu có nghĩa vụ kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà nội, ông bà ngoại; trường hợp ông bà nội, ông bà ngoại không có con để nuôi dưỡng mình thì cháu đã thành niên có nghĩa vụ nuôi dưỡng.

– *Điều 105. Quyền, nghĩa vụ của anh, chị, em*

Anh, chị, em có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp không còn cha mẹ hoặc cha mẹ không có điều kiện trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con.

– *Điều 106. Quyền, nghĩa vụ của cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột*

Cô, dì, chú, cậu, bác ruột và cháu ruột có quyền, nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau; có quyền, nghĩa vụ nuôi dưỡng nhau trong trường hợp người cần được nuôi dưỡng không còn cha, mẹ, con và những người được quy định tại Điều 104 và Điều 105 của Luật này hoặc còn nhưng những người này không có điều kiện để thực hiện nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Trường hợp 1

Từ khi kết hôn, vợ chồng anh A luôn yêu thương, chung thủy và cùng nhau chăm sóc gia đình. Về tài sản, anh luôn bàn bạc, thống nhất với vợ là tuân thủ các nguyên tắc về chế độ tài sản. Điều này cho thấy vợ chồng anh A luôn thực hiện đúng quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ nhân thân và tài sản trong quan hệ vợ chồng.

Trường hợp 2

Gia đình ông D có ba thế hệ là ông bà, cha mẹ, con cháu cùng chung sống với nhau. Vợ chồng ông D luôn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau, xây dựng hình ảnh ông, bà mẫu mực, nêu gương cho các con, cháu. Các con, cháu chăm lo đến sức khỏe, kính trọng, phụng dưỡng ông bà D lúc tuổi già. Nhờ đó, cuộc sống gia đình của ông bà luôn đầm ấm, hạnh phúc.

- *Nêu quy định của pháp luật về quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa vợ và chồng, giữa các thành viên trong gia đình.*
- *Cho biết hành vi của những nhân vật trong các trường hợp trên phù hợp với quy định nào của pháp luật về hôn nhân và gia đình.*



– Một số chế định cụ thể của pháp luật dân sự:

+ Hợp đồng dân sự:

- Hợp đồng dân sự là thoả thuận giữa các bên về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.
- Nội dung của hợp đồng dân sự do các bên thoả thuận; hợp đồng có thể có các nội dung sau đây: đối tượng của hợp đồng; số lượng, chất lượng; giá, phương thức thanh toán; thời hạn, địa điểm, phương thức thực hiện hợp đồng; quyền, nghĩa vụ của các bên; trách nhiệm do vi phạm hợp đồng và phương thức giải quyết tranh chấp.
- Điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự: chủ thể có năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự phù hợp với hợp đồng dân sự được xác lập; chủ thể tham gia hợp đồng dân sự hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của hợp đồng dân sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội; hình thức của hợp đồng dân sự là điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự trong trường hợp luật có quy định.
- Hình thức giao dịch dân sự: bằng lời nói, bằng văn bản hoặc bằng hành vi cụ thể. Giao dịch dân sự thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử được coi là giao dịch bằng văn bản. Trường hợp luật quy định giao dịch dân sự phải được thể hiện bằng văn bản có công chứng, chứng thực, đăng ký thì phải tuân theo quy định đó.

+ Nghĩa vụ dân sự:

- Nghĩa vụ là việc mà theo đó, một hoặc nhiều chủ thể phải chuyển giao vật, chuyển giao quyền, trả tiền hoặc giấy tờ có giá, thực hiện công việc hoặc không được thực hiện công việc nhất định vì lợi ích của một hoặc nhiều chủ thể khác.
- Căn cứ phát sinh nghĩa vụ: hợp đồng, hành vi pháp lý đơn phương, thực hiện công việc không có uỷ quyền, chiếm hữu, sử dụng tài sản hoặc được lợi về tài sản không có căn cứ pháp luật, gây thiệt hại do hành vi trái pháp luật, căn cứ khác do pháp luật quy định.
- Các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bao gồm: cầm cố tài sản; thế chấp tài sản; đặt cọc; kí cược; kí quỹ; bảo lưu quyền sở hữu; bảo lãnh; tín chấp; cầm giữ tài sản.

+ Thừa kế di sản:

- Cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình; để lại tài sản của mình cho người thừa kế theo pháp luật; hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật. Người thừa kế không là cá nhân có quyền hưởng di sản theo di chúc.
- Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết.

- Di sản bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác.
 - Người thừa kế là cá nhân phải là người còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết. Trường hợp người thừa kế theo di chúc không là cá nhân thì phải tồn tại vào thời điểm mở thừa kế.
 - Các trường hợp thừa kế: thừa kế theo di chúc và thừa kế theo pháp luật.
- + Hôn nhân và gia đình:
- Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về nhân thân và tài sản.
 - Quan hệ nhân thân và quan hệ tài sản giữa các thành viên trong gia đình được pháp luật tôn trọng và bảo vệ.
- Công dân cần có trách nhiệm học tập, nắm vững quy định pháp luật về hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế, hôn nhân và gia đình để thực hiện các quyền và nghĩa vụ; tôn trọng và bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của chủ thể khác, không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể khác. Từ đó, điều chỉnh được hành vi của bản thân trong giải quyết các vấn đề liên quan đến các chế định này.



LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

- Mọi hợp đồng dân sự đều phải lập thành văn bản.
- Nghĩa vụ dân sự chỉ bao gồm nghĩa vụ chuyển giao vật và chuyển giao quyền.
- Vợ, chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau.
- Người thừa kế theo pháp luật chỉ bao gồm vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết.

2. Em hãy nhận xét hành vi của các nhân vật trong những trường hợp sau:

- Cha mẹ mất khi A bảy tuổi, A được anh trai thương yêu, chăm sóc và nuôi dưỡng.
- Lợi dụng chị H là người không có năng lực hành vi dân sự, anh N đã mua rẻ chiếc vòng tay bằng vàng 18K của chị.
- Chị T nhận được khoản tiền do người khác chuyển khoản nhầm, ngân hàng đã yêu cầu trả lại nhưng chị không đồng ý.
- Bà nội đã lập di chúc để lại cho C 100 triệu đồng. Khi bà mất, các cô chú không đồng ý cho C hưởng vì C chưa đủ 18 tuổi.

3. Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi

a. Bà T là chủ sở hữu một căn nhà đang cho Công ty K thuê để làm trụ sở. Vì thường xuyên đi công tác nước ngoài, bà T đã lập hợp đồng uỷ quyền cho bà H. Theo đó, bà H được thay mặt cho bà T để nhận tiền thuê nhà từ Công ty K.

b. B mượn của A một chiếc điện thoại đời mới và hứa sẽ giữ gìn cẩn thận. Tuy nhiên, trong quá trình sử dụng, B đã làm hỏng điện thoại của A. A yêu cầu B bồi thường thiệt hại nhưng B không đồng ý vì cho rằng mình không cố ý làm hỏng điện thoại của A.

c. Ông N có tài sản riêng là một căn nhà. Ngoài ra, ông và người bạn cùng góp tiền mua chung một chiếc xe tải, mỗi người góp một nửa. Sau khi ông N mất, các con của ông N cho rằng di sản thừa kế gồm toàn bộ căn nhà và chiếc xe tải. Do đó, họ thoả thuận phân chia di sản và giao cho người con út quản lí, sử dụng chiếc xe tải.

Em đánh giá như thế nào về việc làm của những nhân vật trong các trường hợp trên?



VẬN DỤNG

1. Hãy kể ra những việc làm tuân thủ quy định của pháp luật dân sự về hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế, hôn nhân và gia đình

2. Em hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện nội dung quy định của pháp luật dân sự về một trong bốn chủ đề: hợp đồng dân sự, nghĩa vụ dân sự, thừa kế, hôn nhân và gia đình

Chân trời sáng tạo



SỞ HỮU TRÍ TUỆ VÀ CHUYỂN GIAO CÔNG NGHỆ



Yêu cầu cần đạt

- Nêu được một số chế định cụ thể của pháp luật dân sự về: sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.
- Nêu được ý kiến phân tích, đánh giá trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đơn giản thường gặp liên quan đến pháp luật dân sự về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.
- Điều chỉnh được hành vi pháp luật của bản thân trong giải quyết các vấn đề liên quan đến các quy định của pháp luật dân sự về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.



MỞ ĐẦU

Tiến bộ của khoa học công nghệ góp phần tạo ra các sản phẩm trí tuệ và nhu cầu chuyển giao công nghệ. Pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ được ban hành nhằm mục đích bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, thúc đẩy sự phát triển kinh tế, khoa học – công nghệ.

► *Em hãy liệt kê những thương hiệu nổi tiếng ở Việt Nam mà em biết*



KHÁM PHÁ

1. Một số quy định cơ bản của pháp luật về sở hữu trí tuệ

► *Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi*

THÔNG TIN 1

Trích Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 (sửa đổi, bổ sung năm 2009, 2019)

– Điều 18. Quyền tác giả

Quyền tác giả đối với tác phẩm quy định tại Luật này bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản.

– Điều 19. Quyền nhân thân

Quyền nhân thân bao gồm các quyền sau đây:

1. Đặt tên cho tác phẩm;
2. Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;
3. Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;
4. Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm, không cho người khác sửa chữa, cắt xén hoặc xuyên tạc tác phẩm dưới bất kì hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.

– Điều 20. Quyền tài sản

1. Quyền tài sản bao gồm các quyền sau đây:
 - a) Làm tác phẩm phái sinh;
 - b) Biểu diễn tác phẩm trước công chúng;
 - c) Sao chép tác phẩm;
 - d) Phân phối, nhập khẩu bản gốc hoặc bản sao tác phẩm;
 - đ) Truyền đạt tác phẩm đến công chúng bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kì phương tiện kĩ thuật nào khác;
 - e) Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính.
2. Các quyền quy định tại khoản 1 Điều này do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả độc quyền thực hiện hoặc cho phép người khác thực hiện theo quy định của Luật này.
3. Tổ chức, cá nhân khi khai thác, sử dụng một, một số hoặc toàn bộ các quyền quy định tại khoản 1 Điều này và khoản 3 Điều 19 của Luật này phải xin phép và trả tiền nhuận bút, thù lao, các quyền lợi vật chất khác cho chủ sở hữu quyền tác giả.

– Điều 122. Tác giả và quyền của tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí

1. Tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là người trực tiếp sáng tạo ra đối tượng sở hữu công nghiệp; trong trường hợp có hai người trở lên cùng nhau trực tiếp sáng tạo ra đối tượng sở hữu công nghiệp thì họ là đồng tác giả.
2. Quyền nhân thân của tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí gồm các quyền sau đây:
 - a) Được ghi tên là tác giả trong Bằng độc quyền sáng chế, Bằng độc quyền giải pháp hữu ích, Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp và Giấy chứng nhận đăng kí thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn;
 - b) Được nêu tên là tác giả trong các tài liệu công bố, giới thiệu về sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí.

3. Quyền tài sản của tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí là quyền nhận thù lao theo quy định tại Điều 135 của Luật này.

– Điều 185. Quyền tác giả giống cây trồng

Tác giả giống cây trồng có các quyền sau đây:

1. Được ghi tên với danh nghĩa là tác giả trong Bằng bảo hộ giống cây trồng, Sổ đăng kí quốc gia về giống cây trồng được bảo hộ và trong các tài liệu công bố về giống cây trồng;

2. Nhận thù lao theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 191 của Luật này.

Trường hợp 1

Ông A là tác giả của bài thơ T. Khi sử dụng lời thơ để phổ nhạc cho bài hát của mình, ông B đã xin phép và nhận được sự đồng ý của ông A.

Trường hợp 2

Bác sĩ P đã nghiên cứu, sáng chế thành công gói dùng để điều trị và phòng ngừa thoái hoá đốt sống cổ cho người cao tuổi. Sau đó, bác sĩ P đã làm thủ tục đăng kí sáng chế và được cấp Bằng độc quyền sáng chế theo quy định của pháp luật.

Trường hợp 3

Ông C đã lai tạo thành công giống lúa mới có năng suất cao, thời gian thu hoạch ngắn, chất lượng gạo ngon hơn so với các giống lúa ở địa phương. Tuy nhiên, ông C không biết rằng giống lúa của mình có thể được cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng nên đã không thực hiện thủ tục đăng kí bảo hộ. Sau đó, được ông D hướng dẫn, ông C đã thực hiện đầy đủ thủ tục và được cấp Bằng bảo hộ giống cây trồng.

?

– Theo em, quyền sở hữu trí tuệ bao gồm những quyền gì?

– Việc làm của những nhân vật trong các trường hợp trên có phù hợp với quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ không? Vì sao?

2. Một số quy định cơ bản của pháp luật về chuyển giao công nghệ

► Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và thực hiện yêu cầu

THÔNG TIN

Trích Luật Chuyển giao công nghệ năm 2017

– Điều 7. Quyền chuyển giao công nghệ

1. Chủ sở hữu công nghệ có quyền chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển giao quyền sử dụng công nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng công nghệ được chuyển giao quyền sử dụng công nghệ đó cho tổ chức, cá nhân khác khi chủ sở hữu công nghệ đồng ý.

3. Phạm vi chuyển giao quyền sử dụng công nghệ do các bên thoả thuận bao gồm:

- a) Độc quyền hoặc không độc quyền sử dụng công nghệ;
- b) Quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ của bên nhận chuyển giao cho bên thứ ba.

– Điều 25. Quyền và nghĩa vụ của bên giao công nghệ

1. Bên giao công nghệ có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu bên nhận công nghệ thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng;
- b) Được thanh toán đầy đủ và hưởng quyền, lợi ích khác theo thoả thuận trong hợp đồng;
- c) Được thuê tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật;

d) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến công nghệ được chuyển giao;

đ) Yêu cầu bên nhận công nghệ áp dụng biện pháp khắc phục, bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên nhận công nghệ không thực hiện đúng nghĩa vụ quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Bên giao công nghệ có nghĩa vụ sau đây:

a) Bảo đảm quyền chuyển giao công nghệ là hợp pháp và không bị hạn chế bởi bên thứ ba, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác;

b) Thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng; bồi thường thiệt hại cho bên nhận công nghệ, bên thứ ba do vi phạm hợp đồng;

c) Giữ bí mật thông tin về công nghệ và thông tin khác trong quá trình đàm phán, kí kết, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ theo thoả thuận;

d) Thông báo cho bên nhận công nghệ và thực hiện các biện pháp thích hợp khi phát hiện có khó khăn về kĩ thuật của công nghệ được chuyển giao làm cho kết quả chuyển giao công nghệ có khả năng không đúng cam kết trong hợp đồng;

đ) Đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao từ Việt Nam ra nước ngoài, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác;

e) Thực hiện nghĩa vụ về tài chính, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

– Điều 26. Quyền và nghĩa vụ của bên nhận công nghệ

1. Bên nhận công nghệ có quyền sau đây:

- a) Yêu cầu bên giao công nghệ thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp liên quan đến công nghệ được chuyển giao;

c) Được thuê tổ chức, cá nhân thực hiện dịch vụ chuyển giao công nghệ theo quy định của pháp luật;

d) Yêu cầu bên giao công nghệ áp dụng biện pháp khắc phục, bồi thường thiệt hại trong trường hợp bên giao công nghệ không thực hiện đúng nghĩa vụ quy định trong hợp đồng, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Bên nhận công nghệ có nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng; bồi thường thiệt hại cho bên giao công nghệ, bên thứ ba do vi phạm hợp đồng;

b) Giữ bí mật thông tin về công nghệ và thông tin khác trong quá trình đàm phán, kí kết, thực hiện hợp đồng chuyển giao công nghệ theo thoả thuận;

c) Đề nghị cấp Giấy phép chuyển giao công nghệ trong trường hợp chuyển giao công nghệ hạn chế chuyển giao từ nước ngoài vào Việt Nam, trừ trường hợp các bên có thoả thuận khác;

d) Thực hiện nghĩa vụ về tài chính, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp 1

Hãng xe hơi T đã chuyển giao công nghệ sản xuất ô tô độc quyền cho Công ty H để mở rộng thị trường tại Việt Nam. Với việc chuyển giao công nghệ và hỗ trợ kĩ thuật từ hãng xe hơi T, Công ty H được phép sản xuất và lắp ráp ô tô hoàn chỉnh để bán cho người tiêu dùng.

Trường hợp 2

Công ty A kí kết hợp đồng chuyển giao công nghệ sản xuất sơn cho doanh nghiệp B. Công ty A cung cấp cho doanh nghiệp B những bộ công nghệ sản xuất sơn, giúp sản xuất ra các sản phẩm sơn có chất lượng cao như cam kết. Trong quá trình sản xuất, Công ty A phát hiện một số lỗi về kĩ thuật nên đã cử nhân viên hỗ trợ doanh nghiệp B áp dụng các biện pháp khắc phục.

- Nêu biểu hiện của quyền chuyển giao công nghệ qua các thông tin trên.
- Cho biết hành vi của những nhân vật trong các trường hợp trên thực hiện quy định nào của pháp luật về chuyển giao công nghệ.



- Một số chế định cụ thể của pháp luật dân sự về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ:
 - + Quyền tác giả đối với tác phẩm bao gồm quyền nhân thân và quyền tài sản.
 - + Tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí có quyền nhân thân và quyền tài sản.
 - + Tác giả giống cây trồng có các quyền được ghi tên với danh nghĩa là tác giả trong Bằng bảo hộ giống cây trồng, Sổ đăng ký quốc gia về giống cây trồng được bảo hộ và trong các tài liệu công bố về giống cây trồng và nhận thù lao theo quy định.
 - + Chủ sở hữu công nghệ có quyền chuyển nhượng quyền sở hữu, chuyển giao quyền sử dụng công nghệ. Tổ chức, cá nhân có quyền sử dụng công nghệ được chuyển giao quyền sử dụng công nghệ đó cho tổ chức, cá nhân khác khi chủ sở hữu công nghệ đồng ý.
 - + Phạm vi chuyển giao quyền sử dụng công nghệ do các bên thoả thuận bao gồm: Độc quyền hoặc không độc quyền sử dụng công nghệ; Quyền chuyển giao tiếp quyền sử dụng công nghệ của bên nhận chuyển giao cho bên thứ ba.
 - + Bên giao công nghệ, bên nhận công nghệ có những quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.
- Công dân cần có trách nhiệm học tập, nắm vững và nghiêm chỉnh chấp hành quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ. Từ đó, điều chỉnh được hành vi của bản thân trong giải quyết các vấn đề liên quan đến các quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ, tôn trọng các quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể khác trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ.



LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

- a. Quyền tác giả chỉ bao gồm quyền nhân thân.
- b. Chủ sở hữu công nghệ chỉ có thể chuyển giao quyền sử dụng công nghệ.
- c. Quyền làm tác phẩm phái sinh chỉ do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện.
- d. Tác giả kiểu dáng công nghiệp có quyền được ghi tên là tác giả trong Bằng độc quyền kiểu dáng công nghiệp.

2. Em hãy nhận xét hành vi của các nhân vật trong những trường hợp sau:

- Chị V đăng kí bảo hộ kiểu dáng công nghiệp đối với máy gieo hạt tự động.
- Anh N đã tự ý sao chép tác phẩm truyện tranh của anh M để bán ra thị trường với giá rẻ.
- Công ty C đã chuyển giao thành công công nghệ chế biến sữa hạt cho Công ty D theo đúng cam kết trong hợp đồng.
- Công ty B đã tiết lộ bí mật thông tin về công nghệ sản xuất nước uống thải độc gan cho Công ty T mà chưa có sự đồng ý của chủ sở hữu.

3. Em hãy đọc các trường hợp sau và trả lời câu hỏi

a. Ca sĩ C sử dụng bài hát do nhạc sĩ D sáng tác để biểu diễn trước công chúng mà không xin phép. Nhạc sĩ D yêu cầu ca sĩ C chấm dứt hành vi nhưng ca sĩ C không đồng ý vì cho rằng bài hát được sáng tác ra là để phục vụ cộng đồng.

Theo em, việc làm của ca sĩ C có phù hợp với quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ không? Vì sao?

b. Doanh nghiệp M kí kết hợp đồng chuyển giao công nghệ nuôi và nhân giống cá ba sa chịu mặn cho trang trại H. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, doanh nghiệp M chỉ hỗ trợ trang trại H trong việc nuôi cá ba sa nhưng không chuyển giao công nghệ nhân giống.

Em đánh giá như thế nào về việc làm của doanh nghiệp M?



VẬN DỤNG

1. Em hãy cùng với bạn xây dựng một dự án học tập với nội dung tuyên truyền, phổ biến một số nội dung cơ bản của pháp luật dân sự về sở hữu trí tuệ và chuyển giao công nghệ

2. Em hãy tìm trên báo, Internet thông tin về một số sản phẩm được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và chia sẻ trước lớp

CHUYÊN ĐỀ 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG

BÀI
6

KHÁI QUÁT VỀ PHÁP LUẬT LAO ĐỘNG



Yêu cầu cần đạt

- Nêu được khái niệm, nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động.
- Tích cực, chủ động vận động mọi người xung quanh thực hiện tốt pháp luật lao động.



MỞ ĐẦU

Pháp luật lao động điều chỉnh quan hệ lao động và các quan hệ khác có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động. Các nội dung cơ bản của Bộ luật Lao động không chỉ là cơ sở quan trọng để người lao động, người sử dụng lao động tuân thủ mà còn là phương tiện để bảo vệ bản thân mình trong cuộc sống.

► Em hãy quan sát thông tin dưới đây và cho biết những điểm mới khác của Bộ luật Lao động năm 2019

6 điểm mới của Bộ luật Lao động năm 2019

1. Hợp đồng lao động

4. Kỉ luật lao động

2. Lương, thưởng

5. Chấm dứt hợp đồng lao động

3. Thời giờ làm việc

6. Giải quyết tranh chấp

1. Khái niệm pháp luật lao động

► Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi

THÔNG TIN

Trích Bộ luật Lao động năm 2019

– Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Bộ luật Lao động quy định tiêu chuẩn lao động; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của người lao động, người sử dụng lao động, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở, tổ chức đại diện người sử dụng lao động trong quan hệ lao động và các quan hệ khác liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động; quản lý nhà nước về lao động.

– Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động, người học nghề, người tập nghề và người làm việc không có quan hệ lao động.
2. Người sử dụng lao động.
3. Người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.
4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.

Trường hợp

Bà H mở một cửa hàng kinh doanh ăn uống và thuê chị T vừa làm nhân viên vừa quản lý tiền hàng hoá. Trước khi giao kết hợp đồng lao động, bà H yêu cầu chị T phải trung thực, báo cáo thu chi theo ngày cũng như chịu sự giám sát từ phía bà H. Chị T đồng ý và đề nghị bà H bổ sung các nghĩa vụ khác ngoài hợp đồng. Tuy nhiên, bà H đã nhấn mạnh, nghĩa vụ cần thực hiện được thể hiện đầy đủ trong hợp đồng lao động. Cả hai vui vẻ cùng thống nhất và kí kết hợp đồng lao động.

?

- Theo em, pháp luật lao động là gì? Lấy ví dụ về một quan hệ lao động.
- Quan hệ lao động giữa bà H và chị T được hình thành trên cơ sở nào?

2. Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động

NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN VÀ LỢI ÍCH CHÍNH ĐÁNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

► Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và thực hiện yêu cầu

THÔNG TIN 1

Trích Bộ luật Lao động năm 2019

– Khoản 1 Điều 4. Chính sách của Nhà nước về lao động

Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, người làm việc không có quan hệ lao động; khuyến khích những thoả thuận bảo đảm cho người lao động có điều kiện thuận lợi hơn so với quy định của pháp luật về lao động.

– Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của người lao động

1. Người lao động có các quyền sau đây:

a) Làm việc; tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc, nghề nghiệp, học nghề, nâng cao trình độ nghề nghiệp; không bị phân biệt đối xử, cưỡng bức lao động, quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

b) Hưởng lương phù hợp với trình độ, kĩ năng nghề trên cơ sở thoả thuận với người sử dụng lao động; được bảo hộ lao động, làm việc trong điều kiện bảo đảm về an toàn, vệ sinh lao động; nghỉ theo chế độ, nghỉ hằng năm có hưởng lương và được hưởng phúc lợi tập thể;

c) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật; yêu cầu và tham gia đối thoại, thực hiện quy chế dân chủ, thương lượng tập thể với người sử dụng lao động và được tham vấn tại nơi làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của mình; tham gia quản lí theo nội quy của người sử dụng lao động;

d) Từ chối làm việc nếu có nguy cơ rõ ràng đe dọa trực tiếp đến tính mạng, sức khoẻ trong quá trình thực hiện công việc;

đ) Đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động;

e) Đình công;

g) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và thoả thuận hợp pháp khác;

b) Chấp hành kỉ luật lao động, nội quy lao động; tuân theo sự quản lí, điều hành, giám sát của người sử dụng lao động;

c) Thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động.

– Điều 10. Quyền làm việc của người lao động

1. Được tự do lựa chọn việc làm, làm việc cho bất kì người sử dụng lao động nào và ở bất kì nơi nào mà pháp luật không cấm.

2. Trực tiếp liên hệ với người sử dụng lao động hoặc thông qua tổ chức dịch vụ việc làm để tìm kiếm việc làm theo nguyện vọng, khả năng, trình độ nghề nghiệp và sức khoẻ của mình.

 Trường hợp 1

Anh M được tuyển dụng vào làm việc tại Công ty X theo hợp đồng lao động có thời hạn ba năm với vị trí nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm. Sau ba tháng làm việc, anh được điều chuyển sang làm công nhân bốc dỡ hàng hoá. Anh M đã kiến nghị với Giám đốc Công ty X về việc bố trí công việc của mình không đúng theo hợp đồng đã thoả thuận nhưng không được giải quyết. Vì vậy, anh M quyết định nghỉ việc tại Công ty X.



- Cho biết việc điều chuyển anh M làm công việc khác có bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng cho người lao động không và giải thích vì sao.
- Nêu những nội dung khác mà nguyên tắc này đề cập đến.

NGUYÊN TẮC BẢO ĐẢM QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

► Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi

THÔNG TIN 2

Trích Bộ luật Lao động năm 2019

– Khoản 2 Điều 4. Chính sách của Nhà nước về lao động

Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động, quản lý lao động đúng pháp luật, dân chủ, công bằng, văn minh và nâng cao trách nhiệm xã hội.

– Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của người sử dụng lao động

1. Người sử dụng lao động có các quyền sau đây:

a) Tuyển dụng, bố trí, quản lý, điều hành, giám sát lao động; khen thưởng và xử lý vi phạm kỉ luật lao động;

b) Thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người sử dụng lao động, tổ chức nghề nghiệp và tổ chức khác theo quy định của pháp luật;

c) Yêu cầu tổ chức đại diện người lao động thương lượng với mục đích kí kết thoả ước lao động tập thể; tham gia giải quyết tranh chấp lao động, đình công; đối thoại, trao đổi với tổ chức đại diện người lao động về các vấn đề trong quan hệ lao động, cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của người lao động;

d) Đóng cửa tạm thời nơi làm việc;

đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

2. Người sử dụng lao động có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể và thoả thuận hợp pháp khác; tôn trọng danh dự, nhân phẩm của người lao động;

b) Thiết lập cơ chế và thực hiện đối thoại, trao đổi với người lao động và tổ chức đại diện người lao động; thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc;

c) Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kĩ năng nghề nhằm duy trì, chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động;

d) Thực hiện quy định của pháp luật về lao động, việc làm, giáo dục nghề nghiệp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và an toàn, vệ sinh lao động; xây dựng và thực hiện các giải pháp phòng, chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc;

đ) Tham gia phát triển tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia, đánh giá, công nhận kỹ năng nghề cho người lao động.

– Điều 11. Tuyển dụng lao động

1. Người sử dụng lao động có quyền trực tiếp hoặc thông qua tổ chức dịch vụ việc làm, doanh nghiệp hoạt động cho thuê lại lao động để tuyển dụng lao động theo nhu cầu của người sử dụng lao động.

2. Người lao động không phải trả chi phí cho việc tuyển dụng lao động.

Trường hợp 2

Anh A là nhân viên của Công ty tư nhân P. Hợp đồng lao động giữa anh A và công ty này có thời hạn một năm. Tuy nhiên, chưa hết một năm, Công ty tư nhân P đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với lí do thu hẹp sản xuất kinh doanh mặc dù Công ty P đã tìm mọi biện pháp khắc phục. Công ty P yêu cầu anh A có nghĩa vụ hoàn trả các tư liệu sản xuất, giấy tờ liên quan đến công việc, Công ty P sẽ thanh toán đầy đủ các khoản có liên quan đến quyền lợi của anh A, cũng như xác nhận và trả lại sổ bảo hiểm cho anh.



Việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty P có phù hợp với các quy định của pháp luật lao động không? Vì sao?



- Pháp luật lao động điều chỉnh quan hệ lao động giữa người lao động với người sử dụng lao động và các quan hệ xã hội liên quan trực tiếp với quan hệ lao động.
- Các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động:
 - + Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người lao động: Quyền của người lao động trong vấn đề trả lương; Quyền của người lao động ở việc ghi nhận quyền về tự do lựa chọn việc làm, nơi làm việc; Quyền của người lao động trong vấn đề về xác định thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; Bảo vệ người lao động ở góc độ đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động; Tôn trọng quyền đại diện của tập thể lao động; Thực hiện bảo hiểm xã hội đối với người lao động.

+ Bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động: Việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp được cụ thể hoá bằng các quy định ghi nhận về quyền của người sử dụng lao động và thiết lập cơ chế bảo vệ các quyền đó. Các quyền của người sử dụng lao động được ghi nhận thành các nhóm cơ bản, cụ thể là quyền tuyển dụng và bố trí lao động, quyền điều hành lao động và quyền trong vấn đề chấm dứt quan hệ pháp luật lao động (đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động, xử lý kỷ luật lao động theo hình thức sa thải).



LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

- Quan hệ lao động giữa người lao động và người sử dụng lao động là đối tượng điều chỉnh của pháp luật lao động.
- Vấn đề trả lương là nội dung của nguyên tắc bảo đảm quyền và lợi ích chính đáng của người lao động trong quan hệ lao động.
- Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động chỉ được cụ thể hoá bằng các quy định ghi nhận về quyền được sa thải người lao động.
- Quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của người sử dụng lao động là một trong các biểu hiện của nguyên tắc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng lao động.

2. Em hãy cho biết những hành vi trong các trường hợp sau vi phạm nguyên tắc nào của pháp luật lao động

a. Thời gian gần đây, do khối lượng công việc quá lớn nên anh D được người sử dụng lao động yêu cầu làm thêm giờ vào hai ngày cuối tuần. Tuy nhiên, đến lúc trả lương, anh D chỉ nhận được mức lương như hằng tháng. Khi anh D thắc mắc thì người sử dụng lao động trả lời rằng: "Việc làm thêm giờ là yêu cầu bắt buộc của công việc nên không được hưởng thêm lương". Mặc dù thời gian làm việc kéo dài nhưng anh D luôn vui vẻ và hoàn thành tốt công việc được giao.

b. H xin vào học nghề và làm việc tại một tiệm sửa xe gắn máy. Tại đây, dưới sự hướng dẫn của chủ tiệm, H có thể sửa hoàn chỉnh những hỏng hóc nhỏ và tạo ra doanh thu cho tiệm. Tuy nhiên, chủ tiệm không chịu trả thù lao cho H và thường xuyên đề nghị H làm việc tăng ca, không bảo đảm thời gian nghỉ ngơi cũng như không bảo đảm an toàn trong quá trình lao động.

c. Doanh nghiệp Y sản xuất đồ gia dụng (ông N là người đại diện theo pháp luật). Để sản xuất đủ số lượng theo yêu cầu của thị trường, doanh nghiệp Y đã tuyển 20

nhân công trong độ tuổi từ 30 – 35 để phục vụ sản xuất. Doanh nghiệp Y kí kết hợp đồng lao động bằng văn bản nhưng không đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho họ.

3. Em hãy đọc trường hợp sau và thực hiện yêu cầu

Anh D là cán bộ công tác tại xã A. Qua theo dõi, anh nhận thấy đa số thanh niên ở đây trong độ tuổi lao động và đang làm việc trong khu chế xuất nằm trên địa bàn xã. Họ có nhu cầu tìm hiểu luật lao động để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Anh D đã nhờ anh K đang công tác trong lĩnh vực luật, tư vấn hỗ trợ nhưng anh K đã từ chối vì lí do bận công tác.

Không nản lòng, anh D quyết tâm dành thời gian tìm hiểu, nâng cao kiến thức về pháp luật lao động để tự mình tuyên truyền, phổ biến cho thanh niên trên địa bàn xã A. Bên cạnh đó, anh còn đề xuất mời báo cáo viên của Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội hỗ trợ báo cáo.

Cho biết vì sao anh D lại chủ động, tích cực tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động cho thanh niên tại xã A.



VẬN DỤNG

1. Em hãy thiết kế sản phẩm thể hiện nội dung các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động
2. Em hãy cùng nhóm bạn thực hiện tìm hiểu một số quan hệ lao động trong thực tế vi phạm các nguyên tắc cơ bản của pháp luật lao động và chia sẻ trước lớp



HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG VÀ THƯỜNG, BẢO HIỂM XÃ HỘI, TRANH CHẤP VÀ GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP LAO ĐỘNG



Yêu cầu cần đạt

- Nêu được quy định của pháp luật lao động về: hợp đồng lao động, tiền lương và tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động.
- Phân tích, đánh giá được hậu quả của các hành vi vi phạm pháp luật lao động trong các tình huống đơn giản thường gặp.
- Nêu được ý kiến thuyết phục trong thảo luận, tranh luận về một số vấn đề đang đặt ra trong đời sống liên quan đến pháp luật lao động.



MỞ ĐẦU

La o đ ộng là hoạt đ ộng tạo ra của cải, vật chất cho xã hội. Pháp luật lao đ ộng điều chỉnh mối quan hệ giữa người lao đ ộng, người sử dụng lao đ ộng và các quan hệ có liên quan đến quan hệ lao đ ộng, trong đó có những vấn đề về hợp đ ồng lao đ ộng, tiền lương và thưởng, bảo hiểm xã hội, tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao đ ộng nhằm bảo vệ quyền lợi của các bên trong quan hệ lao đ ộng.

► *Em hãy kể tên một số vấn đề được pháp luật lao động điều chỉnh và chia sẻ hiểu biết của em về những vấn đề đó*



KHÁM PHÁ

1. Quy định của pháp luật lao động về hợp đồng lao động

► *Em hãy đọc các thông tin, quan sát mẫu hợp đồng lao động và trả lời câu hỏi*

THÔNG TIN

Trích Bộ luật Lao động năm 2019

– Điều 13. Hợp đồng lao động

1. Hợp đồng lao động là sự thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về việc làm

có trả công, tiền lương, điều kiện lao động, quyền và nghĩa vụ của mỗi bên trong quan hệ lao động.

Trường hợp hai bên thoả thuận bằng tên gọi khác nhưng có nội dung thể hiện về việc làm có trả công, tiền lương và sự quản lí, điều hành, giám sát của một bên thì được coi là hợp đồng lao động.

2. Trước khi nhận người lao động vào làm việc thì người sử dụng lao động phải giao kết hợp đồng lao động với người lao động.

– Điều 14. Hình thức hợp đồng lao động

1. Hợp đồng lao động phải được giao kết bằng văn bản và được làm thành 02 bản, người lao động giữ 01 bản, người sử dụng lao động giữ 01 bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Hợp đồng lao động được giao kết thông qua phương tiện điện tử dưới hình thức thông điệp dữ liệu theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử có giá trị như hợp đồng lao động bằng văn bản.

3. Hai bên có thể giao kết hợp đồng lao động bằng lời nói đối với hợp đồng có thời hạn dưới 01 tháng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 18, điểm a khoản 1 Điều 145 và khoản 1 Điều 162 của Bộ luật này.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tên đơn vị:

Số:

HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG

Chúng tôi, một bên là Ông/Bà:

Quốc tịch:

Chức vụ:

Đại diện cho:

Điện thoại:

Địa chỉ:

Và một bên là Ông/Bà:

Quốc tịch:

Sinh ngày tháng năm tại

Nghề nghiệp:

Địa chỉ thường trú:

Số CMND/CCCD:

cấp ngày .../.../..... tại

Số sổ lao động (nếu có):

cấp ngày .../.../..... tại

Thoả thuận kí kết hợp đồng lao động và cam kết làm đúng những điều khoản sau đây:

Điều 1: Thời hạn và công việc hợp đồng

– Loại hợp đồng lao động:

– Từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

– Thử việc từ ngày tháng năm đến ngày tháng năm

– Địa điểm làm việc:

– Chức danh chuyên môn:

Chức vụ (nếu có):

– Công việc phải làm:

Điều 2: Chế độ làm việc

– Thời giờ làm việc:

– Được cấp phát những dụng cụ làm việc gồm:

Điều 3: Nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động

1. Quyền lợi:

- Phương tiện đi lại làm việc:
- Mức lương chính hoặc tiền công:
- Hình thức trả lương:
- Phụ cấp gồm:
- Được trả lương vào các ngày hằng tháng.
- Tiền thưởng:
- Chế độ nâng lương:
- Được trang bị bảo hộ lao động gồm:
- Chế độ nghỉ ngơi (nghỉ hằng tuần, phép năm, lễ, Tết,...):
- Bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế:
- Chế độ đào tạo:

Những thoả thuận khác:

2. Nghĩa vụ:

- Hoàn thành những công việc đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Chấp hành lệnh điều hành sản xuất – kinh doanh, nội quy kỉ luật lao động, an toàn lao động, ...
- Bồi thường vi phạm và vật chất:

Điều 4: Nghĩa vụ và quyền hạn của người sử dụng lao động

1. Nghĩa vụ:

- Bảo đảm việc làm và thực hiện đầy đủ những điều đã cam kết trong hợp đồng lao động.
- Thanh toán đầy đủ, đúng thời hạn các chế độ và quyền lợi cho người lao động theo hợp đồng lao động, thoả ước lao động tập thể (nếu có).

2. Quyền hạn:

- Điều hành người lao động hoàn thành công việc theo hợp đồng (bổ trí, điều chuyển, tạm ngừng việc).
- Tạm hoãn, chấm dứt hợp đồng lao động, kỉ luật người lao động theo quy định của pháp luật, thoả ước lao động tập thể (nếu có) và nội quy lao động của doanh nghiệp.

Điều 5: Điều khoản thi hành

– Những vấn đề về lao động không ghi trong hợp đồng lao động này thì áp dụng quy định của thoả ước tập thể, trường hợp chưa có thoả ước tập thể thì áp dụng quy định của pháp luật lao động.

– Hợp đồng lao động được làm thành 02 bản có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ 01 bản và có hiệu lực từ ngày tháng năm Khi hai bên kí kết phụ lục hợp đồng lao động thì nội dung của phụ lục hợp đồng lao động cũng có giá trị như các nội dung của bản hợp đồng lao động này.

Hợp đồng này làm tại ngày tháng năm

Người lao động

(Kí tên)

Ghi rõ họ và tên

Người sử dụng lao động

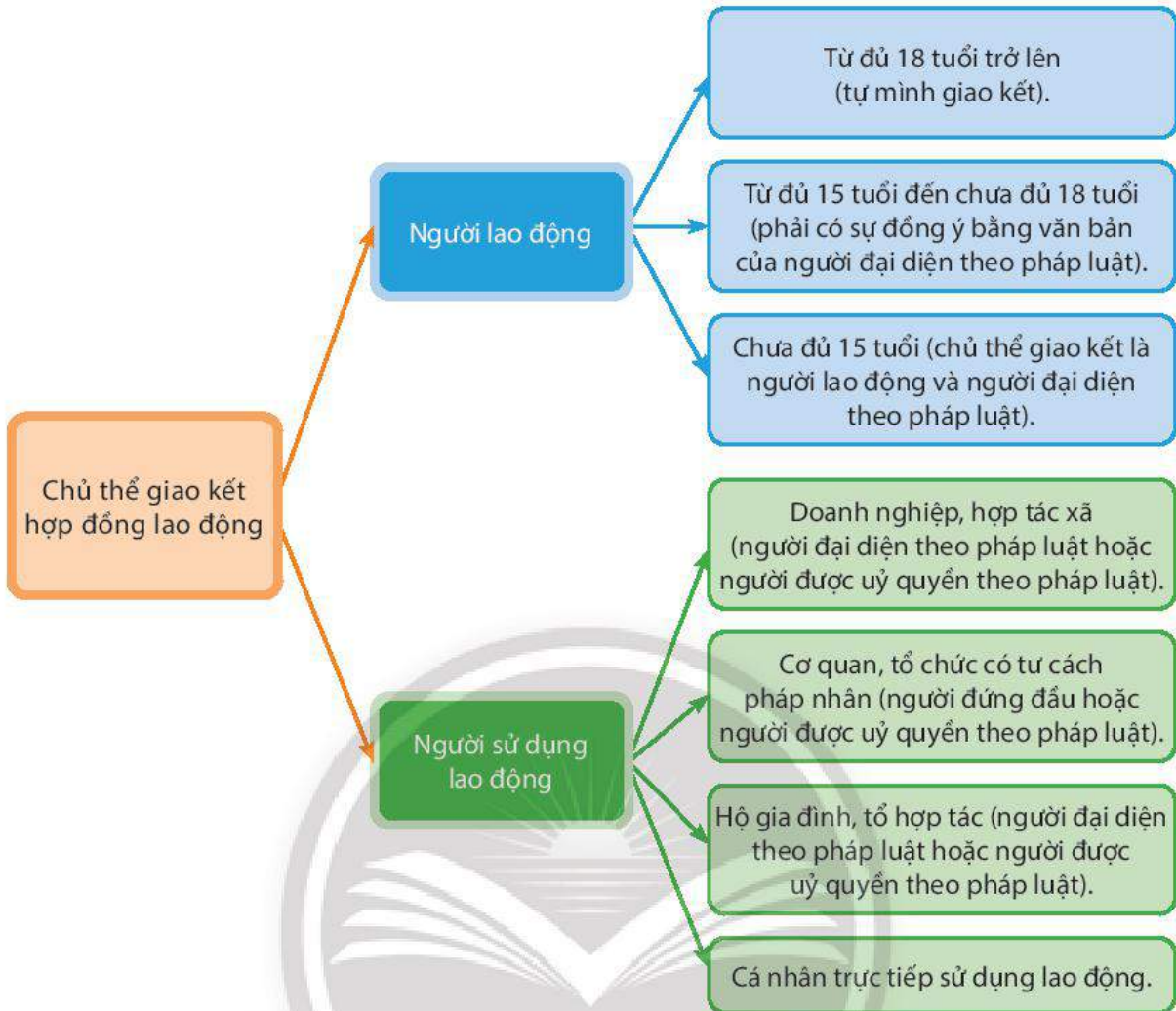
(Kí tên, đóng dấu)

Ghi rõ họ và tên



- Hợp đồng lao động là gì? Hợp đồng lao động có những hình thức nào?
- Hợp đồng lao động bao gồm những nội dung chủ yếu nào?

► Em hãy quan sát sơ đồ, đọc các thông tin, các trường hợp sau và thực hiện yêu cầu



(Theo Điều 18 Bộ luật Lao động năm 2019)

THÔNG TIN

Trích Bộ luật Lao động năm 2019

– Điều 15. Nguyên tắc giao kết hợp đồng

1. Tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực.
2. Tự do giao kết hợp đồng lao động nhưng không được trái pháp luật, thoả ước lao động tập thể và đạo đức xã hội.

– Điều 34. Các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động

1. Hết hạn hợp đồng lao động, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 177 của Bộ luật này.
2. Đã hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động.
3. Hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng lao động.
4. Người lao động bị kết án phạt tù nhưng không được hưởng án treo hoặc không thuộc trường hợp được trả tự do theo quy định tại khoản 5 Điều 328 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tử hình hoặc bị

cấm làm công việc ghi trong hợp đồng lao động theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật.

5. Người lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam bị trục xuất theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Người lao động chết; bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc đã chết.

7. Người sử dụng lao động là cá nhân chết; bị Tòa án tuyên bố mất năng lực hành vi dân sự, mất tích hoặc đã chết. Người sử dụng lao động không phải là cá nhân chấm dứt hoạt động hoặc bị cơ quan chuyên môn về đăng ký kinh doanh thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ra thông báo không có người đại diện theo pháp luật, người được uỷ quyền thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật.

8. Người lao động bị xử lý kỉ luật sa thải.

9. Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật này.

10. Người sử dụng lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 36 của Bộ luật này.

11. Người sử dụng lao động cho người lao động thôi việc theo quy định tại Điều 42 và Điều 43 của Bộ luật này.

12. Giấy phép lao động hết hiệu lực đối với người lao động là người nước ngoài làm việc tại Việt Nam theo quy định tại Điều 156 của Bộ luật này.

13. Trường hợp thoả thuận nội dung thử việc ghi trong hợp đồng lao động mà thử việc không đạt yêu cầu hoặc một bên huỷ bỏ thoả thuận thử việc.

Trường hợp 1

Anh A là chuyên gia trong lĩnh vực nghiên cứu về vật liệu thân thiện với môi trường. Công ty B muốn mời anh về làm Trưởng bộ phận nghiên cứu để thực hiện các dự án mới. Sau khi gặp gỡ, phỏng vấn với lãnh đạo, anh A đồng ý làm việc tại bộ phận nghiên cứu của công ty. Các bên đã tiến hành kí kết hợp đồng lao động, mở đầu cho sự hợp tác tốt đẹp.

Trường hợp 2

Chị C làm việc tại Công ty M đã được sáu năm. Tuy nhiên, do gia đình chị chuyển đến nơi khác sinh sống nên không thể tiếp tục làm việc. Chị đã gặp Trưởng phòng Nhân sự của công ty trình bày sự việc và mong muốn chấm dứt hợp đồng lao động trước thời hạn. Hai bên đạt được thoả thuận chấm dứt hợp đồng và Ban giám đốc Công ty giao Phòng Nhân sự thực hiện các thủ tục, chế độ cho chị C.



- Chỉ ra các chủ thể có quyền giao kết hợp đồng lao động.
- Cho biết việc giao kết hợp đồng lao động được tiến hành dựa trên những nguyên tắc nào.
- Cho biết hành vi của các nhân vật trong những trường hợp trên có phù hợp với quy định của pháp luật lao động không.

► Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và thực hiện yêu cầu

THÔNG TIN

Trích Bộ luật Lao động năm 2019

– Điều 8. Các hành vi bị nghiêm cấm trong lĩnh vực lao động

1. Phân biệt đối xử trong lao động.
2. Ngược đãi người lao động, cưỡng bức lao động.
3. Quấy rối tình dục tại nơi làm việc.
4. Lợi dụng danh nghĩa dạy nghề, tập nghề để trục lợi, bóc lột sức lao động hoặc lôi kéo, dụ dỗ, ép buộc người học nghề, người tập nghề vào hoạt động trái pháp luật.
5. Sử dụng lao động chưa qua đào tạo hoặc chưa có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với nghề, công việc phải sử dụng lao động đã được đào tạo hoặc phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.
6. Lôi kéo, dụ dỗ, hứa hẹn, quảng cáo gian dối hoặc thủ đoạn khác để lừa gạt người lao động hoặc để tuyển dụng người lao động với mục đích mua bán người, bóc lột, cưỡng bức lao động hoặc lợi dụng dịch vụ việc làm, hoạt động đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để thực hiện hành vi trái pháp luật.
7. Sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật.

– Điều 17. Hành vi người sử dụng lao động không được làm khi giao kết, thực hiện hợp đồng lao động

1. Giữ bản chính giấy tờ tùy thân, văn bằng, chứng chỉ của người lao động.
2. Yêu cầu người lao động phải thực hiện biện pháp bảo đảm bằng tiền hoặc tài sản khác cho việc thực hiện hợp đồng lao động.
3. Buộc người lao động thực hiện hợp đồng lao động để trả nợ cho người sử dụng lao động.

Trường hợp 1

Anh T muốn xin vào làm việc tại Công ty Y. Công ty đã đồng ý nhận anh T nhưng yêu cầu anh phải đặt cọc 3 triệu đồng để đảm bảo thực hiện hợp đồng lao động, số tiền này sẽ được hoàn trả nếu anh nghỉ việc.

Trường hợp 2

Bà A mở một cửa hàng kinh doanh dịch vụ ăn uống. Bà có thuê chị B làm thu ngân và quản lí cửa hàng. Khi kí hợp đồng lao động, bà A đã giữ bản chính các văn bằng, chứng chỉ của chị B.

- Cho biết hành vi của các nhân vật trong những trường hợp trên có phù hợp với quy định của pháp luật lao động không và giải thích lí do.
- Nêu một số hành vi khác bị nghiêm cấm trong quan hệ lao động mà em biết.

2. Quy định của pháp luật lao động về tiền lương, thưởng và bảo hiểm xã hội

► Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi

THÔNG TIN

Trích Bộ luật Lao động năm 2019

– Điều 90. Tiền lương

1. Tiền lương là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thoả thuận để thực hiện công việc, bao gồm mức lương theo công việc hoặc chức danh, phụ cấp lương và các khoản bổ sung khác.

2. Mức lương theo công việc hoặc chức danh không được thấp hơn mức lương tối thiểu.

3. Người sử dụng lao động phải bảo đảm trả lương bình đẳng, không phân biệt giới tính đối với người lao động làm công việc có giá trị như nhau.

– Điều 91. Mức lương tối thiểu

1. Mức lương tối thiểu là mức lương thấp nhất được trả cho người lao động làm công việc giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế – xã hội.

2. Mức lương tối thiểu được xác lập theo vùng, ấn định theo tháng, giờ.

3. Mức lương tối thiểu được điều chỉnh dựa trên mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ; tương quan giữa mức lương tối thiểu và mức lương trên thị trường; chỉ số giá tiêu dùng, tốc độ tăng trưởng kinh tế; quan hệ cung, cầu lao động; việc làm và thất nghiệp; năng suất lao động; khả năng chi trả của doanh nghiệp.

4. Chính phủ quy định chi tiết Điều này; quyết định và công bố mức lương tối thiểu trên cơ sở khuyến nghị của Hội đồng tiền lương quốc gia.

– Điều 94. Nguyên tắc trả lương

1. Người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn cho người lao động. Trường hợp người lao động không thể nhận lương trực tiếp thì người sử dụng lao động có thể trả lương cho người được người lao động uỷ quyền hợp pháp.

2. Người sử dụng lao động không được hạn chế hoặc can thiệp vào quyền tự quyết chi tiêu lương của người lao động; không được ép buộc người lao động chi tiêu lương vào việc mua hàng hoá, sử dụng dịch vụ của người sử dụng lao động hoặc của đơn vị khác mà người sử dụng lao động chỉ định.

– Điều 96. Hình thức trả lương

1. Người sử dụng lao động và người lao động thoả thuận về hình thức trả lương theo thời gian, sản phẩm hoặc khoán.

2. Lương được trả bằng tiền mặt hoặc trả qua tài khoản cá nhân của người lao động được mở tại ngân hàng.

Trường hợp trả lương qua tài khoản cá nhân của người lao động được mở tại ngân hàng thì người sử dụng lao động phải trả các loại phí liên quan đến việc mở tài khoản và chuyển tiền lương.

Trường hợp 1

Sau khi tốt nghiệp Đại học, D đã kí hợp đồng lao động với Công ty N. Theo hợp đồng, D được hưởng mức lương bằng 10 lần mức lương tối thiểu vùng. Gần đây, do Chính phủ điều chỉnh tăng mức lương tối thiểu nên thu nhập của D có sự thay đổi. Công ty đề nghị D kí lại hợp đồng lao động theo mức lương mới.

Trường hợp 2

T kí hợp đồng lao động bán thời gian với cửa hàng M. Theo hợp đồng ghi rõ tiền lương được trả vào ngày 01 hằng tháng qua tài khoản ngân hàng. Tuy nhiên, dù tháng này đã tới ngày 05 nhưng T vẫn chưa nhận được lương. Khi T thắc mắc thì được chủ cửa hàng trả lời lương được thanh toán bằng tiền mặt vào ngày 15 hằng tháng.

?

- Việc trả lương được thực hiện dựa trên những nguyên tắc nào?
- Có bao nhiêu loại và hình thức trả lương?
- Theo em, việc làm của cửa hàng M là đúng hay sai? Vì sao?

► Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và thực hiện yêu cầu

THÔNG TIN

Trích Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 104. Thưởng

1. Thưởng là số tiền hoặc tài sản hoặc bằng các hình thức khác mà người sử dụng lao động thưởng

cho người lao động căn cứ vào kết quả sản xuất, kinh doanh, mức độ hoàn thành công việc của người lao động.

2. Quy chế thưởng do người sử dụng lao động quyết định và công bố công khai tại nơi làm việc sau khi tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở đối với nơi có tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở.

Trường hợp

Công ty A hoạt động sản xuất trong lĩnh vực giày da. Để khích lệ tinh thần làm việc và tăng năng suất, Ban giám đốc công ty quyết định ban hành “Quy chế thưởng” mới. Theo quy định mới, mức thưởng cuối năm tăng 20% so với năm trước. Sau khi tham khảo ý kiến của tổ chức đại diện người lao động, “Quy chế thưởng” được công bố công khai. Thông tin này đã làm người lao động trong công ty rất phấn khởi, vui mừng.

– Cho biết thưởng là gì.

– Cho biết việc Ban giám đốc Công ty A ban hành “Quy chế thưởng” mới có phù hợp với quy định pháp luật lao động không.

► Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và thực hiện yêu cầu

THÔNG TIN

Trích Bộ luật Lao động năm 2019

Điều 168. Tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp

1. Người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; người lao động được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp.

Khuyến khích người sử dụng lao động, người lao động tham gia các hình thức bảo hiểm khác đối với người lao động.

2. Trong thời gian người lao động nghỉ việc hưởng chế độ bảo hiểm xã hội thì người sử dụng lao động không phải trả lương cho người lao động, trừ trường hợp hai bên có thoả thuận khác.

3. Đối với người lao động không thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thì người sử dụng lao động có trách nhiệm chi trả thêm cùng lúc với kì trả lương một khoản tiền cho người lao động tương đương với mức người sử dụng lao động đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Trường hợp 1

Bảo hiểm xã hội tỉnh T tổ chức lễ vinh danh các doanh nghiệp thực hiện tốt chính sách pháp luật về bảo hiểm xã hội. Công ty M là một trong các doanh nghiệp được tôn vinh với bề dày thành tích trong lĩnh vực này. Công ty đã đảm bảo đầy đủ, kịp thời các quyền lợi và chế độ cho người lao động như: trợ cấp thất nghiệp, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp, chế độ hưu trí, bảo hiểm y tế,...

Trường hợp 2

Chị A nộp đơn vào làm công nhân tại Công ty X. Nhân viên Phòng Nhân sự gợi ý rằng chị A không kí hợp đồng lao động để không phải đóng bảo hiểm xã hội và các khoản khác. Chị A đã đồng ý. Sự việc này bị phát hiện, cơ quan chức năng đã xử phạt vi phạm hành chính 50 triệu đồng và buộc khắc phục hậu quả đối với Công ty X.



- Cho biết quy định về bảo hiểm xã hội được thể hiện như thế nào qua thông tin trên.
- Cho biết hành vi nào của các cá nhân, tổ chức trong những trường hợp trên vi phạm quy định pháp luật lao động về bảo hiểm xã hội. Nêu hậu quả của hành vi vi phạm đó.

3. Quy định của pháp luật lao động về tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động

► Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và thực hiện yêu cầu

THÔNG TIN

Trích Bộ luật Lao động năm 2019

– Điều 179. Tranh chấp lao động

1. Tranh chấp lao động là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ, lợi ích phát sinh giữa các bên trong quá trình xác lập, thực hiện hoặc chấm dứt quan hệ lao động; tranh chấp giữa các tổ chức đại diện người lao động với nhau; tranh chấp phát sinh từ quan hệ có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động. Các loại tranh chấp lao động bao gồm:

a) Tranh chấp lao động cá nhân giữa người lao động với người sử dụng lao động; giữa người lao động với doanh nghiệp, tổ chức đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; giữa người lao động thuê lại với người sử dụng lao động thuê lại;

b) Tranh chấp lao động tập thể về quyền hoặc về lợi ích giữa một hay nhiều tổ chức đại diện người lao động với người sử dụng lao động hoặc một hay nhiều tổ chức của người sử dụng lao động.

2. Tranh chấp lao động tập thể về quyền là tranh chấp giữa một hay nhiều tổ chức đại diện người lao động với người sử dụng lao động hoặc một hay nhiều tổ chức của người sử dụng lao động phát sinh trong trường hợp sau đây:

a) Có sự khác nhau trong việc hiểu và thực hiện quy định của thoả ước lao động tập thể, nội quy lao động, quy chế và thoả thuận hợp pháp khác;

b) Có sự khác nhau trong việc hiểu và thực hiện quy định của pháp luật về lao động;

c) Khi người sử dụng lao động có hành vi phân biệt đối xử đối với người lao động, thành viên ban lãnh đạo của tổ chức đại diện người lao động vì lí do thành lập, gia nhập, hoạt động trong tổ chức đại diện người lao động; can thiệp, thao túng tổ chức đại diện người lao động; vi phạm nghĩa vụ về thương lượng thiện chí.

3. Tranh chấp lao động tập thể về lợi ích bao gồm:

a) Tranh chấp lao động phát sinh trong quá trình thương lượng tập thể;

b) Khi một bên từ chối thương lượng hoặc không tiến hành thương lượng trong thời hạn theo quy định của pháp luật.

– Điều 180. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp lao động

1. Tôn trọng quyền tự định đoạt thông qua thương lượng của các bên trong suốt quá trình giải quyết tranh chấp lao động.

2. Coi trọng giải quyết tranh chấp lao động thông qua hoà giải, trọng tài trên cơ sở tôn trọng quyền và lợi ích của hai bên tranh chấp, tôn trọng lợi ích chung của xã hội, không trái pháp luật.

3. Công khai, minh bạch, khách quan, kịp thời, nhanh chóng và đúng pháp luật.

4. Bảo đảm sự tham gia của đại diện các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp lao động.

5. Việc giải quyết tranh chấp lao động do cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động tiến hành sau khi có yêu cầu của bên tranh chấp hoặc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền và được các bên tranh chấp đồng ý.

Trường hợp

Do có sự khác nhau về cách hiểu, cách thực hiện nội quy lao động tại Công ty C nên giữa Công đoàn cơ sở và Ban giám đốc công ty đã phát sinh tranh chấp lao động. Để đảm bảo quyền lợi của người lao động và người sử dụng lao động, các bên đã tiến hành giải quyết tranh chấp thông qua thương lượng, thoả thuận và thống nhất cách hiểu những nội dung còn mâu thuẫn trong nội quy lao động.

– Cho biết các loại tranh chấp lao động và các yếu tố phải tôn trọng khi giải quyết tranh chấp lao động.

– Cho biết việc giải quyết tranh chấp trong trường hợp trên dựa theo nguyên tắc nào.

► *Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và thực hiện yêu cầu*

THÔNG TIN

Theo Điều 187, 188, 189, 192, 193, 195, 196 Bộ luật Lao động năm 2019

– Thẩm quyền giải quyết tranh chấp lao động:

+ Hoà giải viên lao động;

+ Hội đồng trọng tài lao động;

+ Toà án nhân dân.

– Trình tự giải quyết tranh chấp lao động cá nhân:

+ Đối với tranh chấp lao động cá nhân có thể giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải viên lao động, Hội đồng trọng tài lao động, Toà án:

* Trường hợp giải quyết tranh chấp lao động cá nhân thông qua hoà giải viên lao động bao gồm các bước: triệu tập các bên và tổ chức phiên họp hoà giải; khi kết thúc phiên họp nếu hoà giải thành thì hoà giải viên lao động lập biên bản hoà giải thành, nếu hoà giải không thành thì hoà giải viên lao động lập biên bản hoà giải không thành, các bên có quyền yêu cầu Hội đồng trọng tài lao động hoặc Toà án giải quyết.

* Trường hợp giải quyết tranh chấp lao động cá nhân thông qua Hội đồng trọng tài lao động tiến hành theo các bước: thành lập Ban trọng tài lao động trong vòng 07 ngày và Ban trọng tài lao động phải ra quyết định về việc giải quyết tranh chấp và gửi cho các bên trong vòng 30 ngày; trường hợp một trong các bên không thi hành quyết định giải quyết tranh chấp của Ban trọng tài lao động thì các bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Đối với giải quyết tranh chấp lao động cá nhân thông qua Toà án được tiến hành theo thủ tục Tố tụng dân sự.

– Trình tự giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền:

+ Trường hợp giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền thông qua hoà giải viên lao động thì trình tự tương tự như giải quyết tranh chấp lao động cá nhân.

+ Trường hợp giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền thông qua Hội đồng trọng tài lao động tiến hành theo các bước: thành lập Ban trọng tài lao động trong vòng 07 ngày và Ban trọng tài lao động phải ra quyết định về việc giải quyết tranh chấp và gửi cho các bên trong vòng 30 ngày; trường hợp một trong các bên không thi hành quyết định giải quyết tranh chấp của Ban trọng tài lao động thì các bên có quyền yêu cầu Toà án giải quyết.

+ Trường hợp giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền thông qua Toà án thì trình tự tương tự như giải quyết tranh chấp lao động cá nhân.

– Trình tự giải quyết tranh chấp lao động tập thể về lợi ích: Trường hợp giải quyết tranh chấp

lao động tập thể về lợi ích được tiến hành thông qua hoà giải viên lao động và Hội đồng trọng tài lao động. Trình tự tương tự như giải quyết tranh chấp lao động cá nhân và giải quyết tranh chấp lao động tập thể về quyền, nhưng nếu giải quyết tranh chấp lao động tập thể về lợi ích thông qua Hội đồng trọng tài lao động không thành thì tổ chức đại diện của người lao động có thể tiến hành đình công.

Trường hợp

Do có tranh chấp về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động với doanh nghiệp B, anh A đã có đơn yêu cầu anh C (hoà giải viên lao động) tiến hành giải quyết tranh chấp. Sau ba ngày kể từ khi nhận được đơn, anh C đã tiến hành triệu tập hai bên có tranh chấp để tổ chức phiên hoà giải. Tại phiên hoà giải, anh C đã hướng dẫn, hỗ trợ các bên thực hiện việc thương lượng để giải quyết tranh chấp. Kết thúc buổi hoà giải, các bên đã thoả thuận được các điều khoản mà mình mong muốn. Anh C đã ghi nhận kết quả này bằng biên bản có chữ kí của anh A và doanh nghiệp B.

- Vẽ sơ đồ các bước tiến hành giải quyết tranh chấp lao động.
- Cho biết việc làm của anh C có đúng trình tự giải quyết tranh chấp lao động không.

- Quy định của pháp luật lao động về hợp đồng lao động, tiền lương và tiền thưởng, bảo hiểm xã hội, tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động:

+ Hợp đồng lao động:

- Là sự thoả thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về quyền và nghĩa vụ trong quan hệ lao động, việc làm có trả công, điều kiện làm việc.
- Nội dung chủ yếu của hợp đồng lao động gồm: Công việc và địa điểm làm việc; Thời hạn của hợp đồng lao động; Tiền lương; Thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi; Bảo hiểm xã hội,...
- Hợp đồng lao động có hai loại: xác định và không xác định thời hạn.
- Hình thức hợp đồng lao động có thể bằng văn bản hoặc lời nói.
- Chủ thể giao kết hợp đồng lao động là người lao động và người sử dụng lao động.
- Nguyên tắc giao kết hợp đồng là tự nguyện, bình đẳng, thiện chí, hợp tác và trung thực; tự do giao kết nhưng không được trái pháp luật, thoả ước lao động tập thể và đạo đức xã hội.

+ Tiền lương:

- Tiền lương là số tiền mà người sử dụng lao động trả cho người lao động theo thoả thuận để thực hiện công việc nhất định.
- Người sử dụng lao động phải trả lương trực tiếp, đầy đủ, đúng hạn.
- Hình thức trả lương bao gồm theo thời gian, sản phẩm hoặc khoán.

+ Mức lương tối thiểu là mức lương thấp nhất được trả cho người lao động làm công việc giản đơn nhất trong điều kiện lao động bình thường nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu của người lao động và gia đình họ, phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế – xã hội.

+ Thưởng: số tiền hoặc tài sản, hoặc bằng các hình thức khác mà người sử dụng lao động thưởng cho người lao động dựa trên kết quả lao động.

+ Bảo hiểm xã hội: gồm hai loại hình bắt buộc và tự nguyện.

+ Tranh chấp lao động:

- Là tranh chấp về quyền và nghĩa vụ, lợi ích phát sinh giữa các bên trong quá trình xác lập, thực hiện hoặc chấm dứt quan hệ lao động; tranh chấp giữa các tổ chức đại diện người lao động với nhau; tranh chấp phát sinh từ quan hệ có liên quan trực tiếp đến quan hệ lao động.
 - Chủ thể giải quyết tranh chấp: Hoà giải viên lao động, Hội đồng trọng tài lao động, Toà án nhân dân có quyền giải quyết tranh chấp lao động.
 - Các bước giải quyết tranh chấp lao động tùy vào từng loại tranh chấp.
- Công dân cần học tập, nắm vững và nghiêm chỉnh thực hiện những quy định của pháp luật về hợp đồng lao động, tiền lương, thưởng, bảo hiểm xã hội, tranh chấp và giải quyết tranh chấp lao động; đánh giá được hành vi vi phạm quy định pháp luật về các chế định này; xây dựng ý thức tự giác thực hiện quy định pháp luật và vận động mọi người cùng thực hiện.



LUYỆN TẬP

1. Em đồng tình hay không đồng tình với nhận định nào sau đây? Vì sao?

- a. Thưởng là bắt buộc trong quan hệ lao động.
- b. Mọi lao động đều phải tham gia bảo hiểm xã hội.
- c. Mức lương tối thiểu có sự thay đổi qua từng thời kì.
- d. Hợp đồng lao động có thể kí kết thông qua mạng Internet.

- e. Mức lương trả cho người lao động do người sử dụng lao động quyết định.
- g. Tất cả thoả thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động đều là hợp đồng lao động.
- h. Tranh chấp lao động là tranh chấp giữa người lao động và người sử dụng lao động trong thực hiện hợp đồng lao động.

2. Em hãy đọc các trường hợp và nhận xét hành vi của những cá nhân, tổ chức sau:

- a. Mặc dù chị D là lao động tự do nhưng chị đã đăng kí tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện. Chị còn vận động người quen của mình tham gia bảo hiểm xã hội.
- b. Anh C khởi kiện Công ty M ra Tòa án về việc tranh chấp lao động do công ty áp dụng kỉ luật bằng hình thức sa thải đối với anh là không có lí do chính đáng.
- c. Công ty N nợ lương của nhân viên trong nhiều tháng. Khi người lao động yêu cầu đối thoại để được giải đáp về vấn đề này, Ban giám đốc công ty đã từ chối và đe dọa không trả lương.

3. Em hãy đọc trường hợp sau và trả lời câu hỏi

Do gia đình khó khăn nên A (16 tuổi) đã đến Công ty B để xin việc và được Công ty B kí hợp đồng lao động và nhận vào làm việc nhưng chưa có sự đồng ý của bố mẹ A. Công ty cũng không ghi rõ mức lương trong hợp đồng lao động. Sau khi A làm việc được ba tháng với mức lương 3 triệu đồng thì Công ty B đã sa thải A mà không nêu rõ lí do.

- Việc kí kết, chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty B đối với A có đúng quy định pháp luật hay không? Vì sao?
- Theo em, cần có thái độ như thế nào đối với hành vi vi phạm quy định pháp luật lao động?

4. Cho biết ý kiến của em về việc làm của các nhân vật, tổ chức trong những trường hợp sau:

- a. Bà A và bà B cùng là tiểu thương buôn bán ở chợ Y. Do thấy gần nhà có nhiều người nhận lương hưu, cuộc sống đỡ vất vả nên bà A muốn tham gia đóng bảo hiểm xã hội. Biết điều này, bà B khuyên bà A không nên đóng vì bảo hiểm xã hội chỉ dành cho lao động có trả lương hằng tháng.
- b. Chị D kí hợp đồng lao động làm công nhân dọn vệ sinh cho Công ty M. Theo hợp đồng, lương được trả vào ngày 01 hằng tháng, tuy nhiên tháng này công ty không trả lương đúng hạn. Khi chị D và các đồng nghiệp khác thắc mắc thì được thông báo công ty sẽ tạm giữ lương một tháng của công nhân để khấu trừ nếu có làm hư hao tài sản.



VẬN DỤNG

1. Em hãy tìm hiểu thông tin về một số hành vi vi phạm pháp luật về hợp đồng lao động, tiền lương, thưởng, bảo hiểm xã hội và chọn một trường hợp để phân tích những hậu quả có thể xảy ra từ những hành vi đó
2. Em hãy cùng nhóm bạn xây dựng bài thuyết trình trước lớp có nội dung về một vấn đề cấp bách đặt ra trong đời sống liên quan đến pháp luật lao động



GIẢI THÍCH THUẬT NGỮ

THUẬT NGỮ	GIẢI THÍCH	TRANG
Chứng thực	“Chứng thực hợp đồng, giao dịch” là việc cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 23/2015/NĐ-CP chứng thực về thời gian, địa điểm giao kết hợp đồng, giao dịch; năng lực hành vi dân sự, ý chí tự nguyện, chữ kí hoặc dấu điểm chỉ của các bên tham gia hợp đồng, giao dịch.	33, 41
Chuyển giao công nghệ	Chuyển nhượng quyền sở hữu công nghệ hoặc chuyển giao quyền sử dụng công nghệ từ bên có quyền chuyển giao công nghệ sang bên nhận công nghệ.	44, 46, 47, 48, 49, 50
Công chứng	Việc công chứng viên của một tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận tính xác thực, hợp pháp của hợp đồng, giao dịch dân sự khác bằng văn bản, tính chính xác, hợp pháp, không trái đạo đức xã hội của bản dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt mà theo quy định của pháp luật phải công chứng hoặc cá nhân, tổ chức tự nguyện yêu cầu công chứng.	33, 35, 37, 41
Đình công	Sự ngừng việc tạm thời, tự nguyện và có tổ chức của người lao động nhằm đạt được yêu cầu trong quá trình giải quyết tranh chấp lao động và do tổ chức đại diện người lao động có quyền thương lượng tập thể là một bên tranh chấp lao động tập thể tổ chức và lãnh đạo.	54, 70
Giao dịch dân sự	Hợp đồng hoặc hành vi pháp lí đơn phương làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.	33, 41
Hệ sinh thái	Quần xã sinh vật và các yếu tố phi sinh vật của một khu vực địa lí nhất định, có tác động qua lại và trao đổi vật chất với nhau.	7, 10, 12, 14, 15
Hoà giải viên lao động	Người do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh bổ nhiệm để hoà giải tranh chấp lao động, tranh chấp về hợp đồng đào tạo nghề, hỗ trợ phát triển quan hệ lao động.	69, 70, 71
Hợp tác xã	Tổ chức kinh tế tập thể, đồng sở hữu, có tư cách pháp nhân, do ít nhất 07 thành viên tự nguyện thành lập và hợp tác tương trợ lẫn nhau trong hoạt động sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung của thành viên, trên cơ sở tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ trong quản lí hợp tác xã.	61
Kiểu dáng công nghiệp	Hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.	45, 46, 49, 50
Năng lực hành vi dân sự	Năng lực hành vi dân sự của cá nhân là khả năng của cá nhân bằng hành vi của mình xác lập, thực hiện quyền, nghĩa vụ dân sự.	24, 33, 39, 40, 41, 42, 62
Pháp nhân	Một tổ chức được công nhận là pháp nhân khi có đủ các điều kiện sau đây: – Được thành lập theo quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, luật khác có liên quan; – Có cơ cấu tổ chức theo quy định tại Điều 83 của Bộ luật Dân sự năm 2015; – Có tài sản độc lập với cá nhân, pháp nhân khác và tự chịu trách nhiệm bằng tài sản của mình; – Nhân danh mình tham gia quan hệ pháp luật một cách độc lập.	23, 24, 25, 29, 61

Phát thải ròng bằng "0"	Khi lượng phát thải CO ₂ do con người gây ra được cân bằng trên toàn cầu bằng cách loại bỏ CO ₂ trong một khoảng thời gian nhất định. Nói một cách đơn giản, ở cấp độ toàn cầu, cần cân bằng giữa lượng khí nhà kính con người đưa vào bầu khí quyển với lượng khí nhà kính thải ra khỏi bầu khí quyển. Có các hoạt động loại bỏ khí nhà kính như trồng rừng hoặc công nghệ thu hồi carbon.	16
Phát triển bền vững	Phương thức phát triển tổng hợp đa ngành, liên ngành, thành chương trình hành động với nhiều tiêu chí cụ thể và rõ nét. Quá trình vận hành đồng thời ba bình diện phát triển: kinh tế tăng trưởng bền vững; xã hội thịnh vượng; công bằng, ổn định, văn hoá đa dạng và môi trường được trong lành, tài nguyên được duy trì bền vững.	13, 15, 16
Quan hệ lao động	Quan hệ xã hội phát sinh trong việc thuê mướn, sử dụng lao động, trả lương giữa người lao động, người sử dụng lao động, các tổ chức đại diện của các bên, cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quan hệ lao động bao gồm quan hệ lao động cá nhân và quan hệ lao động tập thể.	51, 52, 53, 54, 55, 56, 57, 58, 59, 64, 67, 70, 71
Quyền tác giả	Quyền của tổ chức, cá nhân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra hoặc sở hữu.	44, 45, 46, 49
Quyền sở hữu trí tuệ	Quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.	24, 44, 46, 50
Sáng chế	Giải pháp kĩ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên.	45, 46, 49
Thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn	Cấu trúc không gian của các phần tử mạch và mối liên kết các phần tử đó trong mạch tích hợp bán dẫn.	45
Thoả ước lao động tập thể	Thoả thuận đạt được thông qua thương lượng tập thể và được các bên kí kết bằng văn bản.	53, 54, 60, 61, 68, 70
Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở	Tổ chức được thành lập trên cơ sở tự nguyện của người lao động tại một đơn vị sử dụng lao động nhằm mục đích bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động trong quan hệ lao động thông qua thương lượng tập thể hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật về lao động. Tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở bao gồm công đoàn cơ sở và tổ chức của người lao động tại doanh nghiệp.	52, 53, 54, 66, 67, 68, 71
Tổ hợp tác	Tổ chức không có tư cách pháp nhân, được hình thành trên cơ sở hợp đồng hợp tác, gồm từ 02 cá nhân, pháp nhân trở lên tự nguyện thành lập, cùng đóng góp tài sản, công sức để thực hiện những công việc nhất định, cùng hưởng lợi và cùng chịu trách nhiệm.	61
Thuế suất	Căn cứ mức thuế phải nộp trên một đơn vị xác định giá trị của mức thuế phải đóng đối với một loại đối tượng chịu thuế, thuế suất được thể hiện qua tỉ lệ %, tùy vào từng loại chủ thể và điều kiện liên quan, mức thuế suất áp dụng sẽ khác nhau.	15
Ủy quyền	Giao một số quyền có tính chất pháp lí của mình cho người khác sử dụng.	34, 41, 43, 61, 62, 65

*Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam xin trân trọng cảm ơn
các tác giả có tác phẩm, tư liệu được sử dụng, trích dẫn
trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Chủ tịch Hội đồng Thành viên NGUYỄN ĐỨC THÁI
Tổng Giám đốc HOÀNG LÊ BÁCH

Chịu trách nhiệm nội dung:

Tổng biên tập PHẠM VĂN THÁI

Biên tập nội dung: NGUYỄN QUỐC HƯNG – PHAN ANH TUẤN

Biên tập mỹ thuật: LÊ TRỌNG SƠN

Thiết kế sách: NGUYỄN NGỌC THUYẾT HOÀ

Trình bày bìa: TỐNG THANH THẢO

Minh họa: LÊ TRỌNG SƠN – PHAN THỊ NGỌC ANH

Sửa bản in: PHAN ANH TUẤN – NGUYỄN LÊ NHẤT VY

Chế bản: CÔNG TY CP DỊCH VỤ XUẤT BẢN GIÁO DỤC GIA ĐỊNH

Bản quyền (2023) thuộc Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

Xuất bản phẩm đã đăng ký quyền tác giả. Tất cả các phần của nội dung cuốn sách này đều không được sao chép, lưu trữ, chuyển thể dưới bất kỳ hình thức nào khi chưa có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam.

**CHUYÊN ĐỀ HỌC TẬP GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 11
(CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)**

Mã số:

In.....bản, (QĐ in số....) Khổ 19 x 26,5 cm.

Đơn vị in:.....

Cơ sở in:.....

Số ĐKXB:

Số QĐXB:..... ngày.... tháng.... năm 20....

In xong và nộp lưu chiểu tháng.... năm 20....

Mã số ISBN:



HUÂN CHƯƠNG HỒ CHÍ MINH

BỘ SÁCH GIÁO KHOA LỚP 11 – CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

1. Toán 11, Tập một
2. Toán 11, Tập hai
3. Chuyên đề học tập Toán 11
4. Ngữ văn 11, Tập một
5. Ngữ văn 11, Tập hai
6. Chuyên đề học tập Ngữ văn 11
7. Tiếng Anh 11
Friends Global - Student Book
8. Lịch sử 11
9. Chuyên đề học tập Lịch sử 11
10. Địa lí 11
11. Chuyên đề học tập Địa lí 11
12. Giáo dục kinh tế và pháp luật 11
13. Chuyên đề học tập Giáo dục kinh tế và pháp luật 11
14. Vật lí 11
15. Chuyên đề học tập Vật lí 11
16. Hoá học 11
17. Chuyên đề học tập Hoá học 11
18. Sinh học 11
19. Chuyên đề học tập Sinh học 11
20. Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
21. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Tin học ứng dụng
22. Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
23. Chuyên đề học tập Tin học 11 – Định hướng Khoa học máy tính
24. Âm nhạc 11
25. Chuyên đề học tập Âm nhạc 11
26. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (1)
27. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp 11 (2)
28. Giáo dục quốc phòng và an ninh 11

Các đơn vị đầu mối phát hành

- **Miền Bắc:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc
- **Miền Trung:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Trung
- **Miền Nam:** CTCP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Nam
CTCP Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long

Sách điện tử: <http://hanhtrangso.nxbgd.vn>

Kích hoạt để mở học liệu điện tử: Cào lớp nhũ trên tem để nhận mã số. Truy cập <http://hanhtrangso.nxbgd.vn> và nhập mã số tại biểu tượng chia khoá.

